DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: 105/DP-BQHCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức : **Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương**
- Mã chứng khoán : **DPG**
- Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 7830856 Fax : 0243 7830859
- E-mail : bqhcodong@datphuong.vn
- Người thực hiện công bố thông tin : Lê Thị Hà
- Chức vụ : Trưởng ban quan hệ cổ đông

Loại thông tin công bố : X định kỳ □ bất thường □ 24h □ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương (DPG) công bố thông tin: Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty CP Tập đoàn Đạt Phương www.datphuong.com.vn tại mục "Quan hệ cổ đông".

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức
Người thực hiện công bố thông tin
Trưởng ban quan hệ cổ đông

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Lê Thị Hà

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
Email: tckt@datphuong.vn
Thời gian ký: 31/03/2023 16:04:45

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Trụ sở: Tầng 15 - Tòa nhà Handico - Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ - Đường Phạm Hùng - P.Mễ Trì - Q.Nam Từ Liêm - TP.Hà Nội.

Tel : 04.3783.0856 * Fax : 04.3783.0859 * Website: datphuong.com.vn

Mã số DN: 0101218757 do Sở KH-ĐT TP Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 22 ngày 06/12/2021

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, chi tiết như sau:

Hình thức họp: Họp trực tiếp

Hình thức biểu quyết: cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp theo hình thức bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến.

Thời gian : 8h00', Thứ Bảy - ngày 22 tháng 04 năm 2023

Địa điểm : Trung tâm Hội nghị Quốc Gia.

Địa chỉ : Cổng số 2, Đường Phạm Hùng, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Chương trình họp: Thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

1) Báo cáo tài chính năm 2022.

2) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022.

3) Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022.

4) Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022.

5) Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023.

6) Các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

Để việc tổ chức Đại hội được chu đáo, an toàn, đề nghị Quý Cổ đông xác nhận tham dự trước bằng email tại địa chỉ: dhcd@datphuong.vn hoặc nhắn tin sms vào hotline (Mr.Lộc: 096.232.5868; Mrs.Hà: 024.22661212) trước 15h ngày 20/4/2023.

Trường hợp Ủy quyền tham dự Đại hội: Cổ đông ủy quyền bằng văn bản cho một người khác (mẫu giấy ủy quyền được đăng tải cùng tài liệu Đại hội trên website: https://datphuong.vn/).

Để thuận tiện cho công tác tổ chức đăng ký tham dự đại hội và bỏ phiếu điện tử, đề nghị Quý Cổ đông mang theo một trong các thiết bị: điện thoại thông minh /laptop/máy tính bảng có kết nối internet.

Tài liệu liên quan đến Đại hội đồng cổ đông được công bố chi tiết trên website: http://www.datphuong.vn chậm nhất vào ngày 01/4/2023.

Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội bắt buộc phải mang theo giấy tờ sau: Thông báo mời họp, căn cước công dân hoặc hộ chiếu và Giấy ủy quyền (kèm theo bản công chứng CCCD/CMT của người ủy quyền trong trường hợp ủy quyền).

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0101218757-C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG * Q.NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Lương Minh Tuấn

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày tháng năm 2023

GIẤY ỦY QUYỀN

Tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương

1. Bên ủy quyền:.....

Số CMT/HC/ĐKDN:.....ngày cấp……nơi cấp :……

Điện thoại: .....

Đang sở hữu……cổ phần của **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG** theo danh sách người sở hữu chứng khoán chốt tại ngày 21/03/2023 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp.

2. Bên nhận ủy quyền:

2.1. Tên cá nhân/ tổ chức: .....

Số CMT/HC/ĐKDN:.....ngày cấp……nơi cấp :……

Địa chỉ:.....

Điện thoại: .....

Số cổ phần được ủy quyền: .....cổ phần.

Với sự ủy quyền này, Bên nhận ủy quyền được thay mặt tôi đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của **Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương** vào ngày 22/04/2023 và thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội liên quan đến số cổ phần được ủy quyền, đồng thời không được ủy quyền lại cho bất kỳ bên thứ ba nào.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của pháp luật và của Điều lệ Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương.

……, ngày……tháng ……năm 2023

BÊN ỦY QUYỀN
1. Cổ đông là cá nhân (ký/ghi rõ họ tên)

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN

2. Cổ đông là tổ chức
Người đại diện theo pháp luật
(Ký tên, đóng dấu)

Người đại diện theo ủy quyền

Ghi chú: - Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện và có danh sách kèm theo ghi thông tin về người được ủy quyền.

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy ủy quyền, chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy ủy quyền đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó.

- Cổ đông gửi kèm giấy ủy quyền này 01 bản giấy tờ tùy thân (công chứng) của người ủy quyền và 01 bản giấy tờ tùy thân (công chứng) của người được ủy quyền để xác nhận tư cách tham dự đại hội của người được ủy quyền.

NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Thời gian : 8h00, ngày 22 tháng 04 năm 2023

Địa điểm : Trung tâm Hội nghị Quốc Gia, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Thời gian	Nội dung	Bộ phận thực hiện
08:00 - 08:45	Tiếp đón, đăng ký cổ đông	Ban tổ chức
08:45 – 09:00	Chương trình ca nhạc	Ban tổ chức, MC
09:00 - 09:10	- Khai mạc đại hội	MC
	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông	Ban kiểm tra tư cách
	- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch	MC
	- Chủ tọa cuộc họp chỉ định Thư ký Đại hội	Đoàn chủ tịch
	- Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu	Đoàn chủ tịch
	- Giới thiệu và biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức Đại hội	Đoàn chủ tịch
09:10 - 09:40	- Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT, từng thành viên HĐQT. - Báo cáo của HĐQT về kế hoạch kinh doanh 2022 và định hướng những năm tiếp theo	Đoàn chủ tịch
09:40 - 09:50	Báo cáo của Ban kiểm soát	Ban kiểm soát
09:50 - 10:00	Tờ trình của Hội đồng quản trị; Tờ trình của Ban kiểm soát;	Đoàn chủ tịch
10:00 - 10:30	Thảo luận	Đoàn chủ tịch, MC
10:30 - 10:50	Bỏ phiếu thông qua các nội dung của Tờ trình	Đoàn chủ tịch, Ban kiểm phiếu
10:50 - 11:10	Nghỉ giải lao, Ban kiểm phiếu làm việc và in báo cáo	Ban kiểm phiếu
11:10 - 11:20	Công bố kết quả kiểm phiếu thông qua các nội dung của Tờ trình	Ban kiểm phiếu
11:20 - 11:30	Thư ký Đại hội thông qua Biên bản họp	Đoàn thư ký
11:30	Bế mạc Đại hội	Đoàn chủ tịch

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: 15 /QC-ĐP-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023

QUY CHẾ
TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này được áp dụng cho việc tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần tập đoàn Dạt Phương ("Công ty") bằng hình thức trực tiếp và thực hiện việc biểu quyết bằng phương thức bỏ phiếu điện tử của các Cổ đông.

Điều 2: Đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định cụ thể điều kiện tổ chức đại hội, quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia đại hội và thể thức tiến hành Đại hội.

Điều 3: Tính hiệu lực

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. **Bỏ phiếu điện tử:** là việc Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của Cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

2. **Hệ thống trực tuyến:** là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức bỏ phiếu điện tử.

3. **Thông tin đăng nhập:** Bao gồm Tên đăng nhập (Username/ID) và mật khẩu (Password) khi cổ đông tới checkin hoặc mã OTP được gửi vào số điện thoại của Cổ đông hoặc số điện thoại của người được ủy quyền. Mật khẩu và mã OTP được Công ty cung cấp duy nhất cho Cổ đông hoặc người được Cổ đông ủy quyền tại quầy làm thủ tục checkin tham dự họp hoặc gửi vào số điện thoại của Cổ đông, người được Cổ đông ủy quyền.

4. **Thời gian mở Hệ thống trực tuyến:** là thời điểm bắt đầu để Cổ đông có thể truy cập, đăng ký tham dự Đại hội. Thời gian biểu quyết các nội dung của Đại hội thực hiện theo quy định của Ban tổ chức Đại hội.

5. **Thời gian đóng cửa Hệ thống trực tuyến:** là thời điểm Hệ thống trực tuyến đóng truy cập, biểu quyết, … theo thông báo của Chủ tọa đại hội.

6. **Các từ viết tắt có ý nghĩa như sau:** ĐHĐCĐ: Đại hội đồng Cổ đông; HĐQT: Hội đồng quản trị.

II. ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 4: Điều kiện tiến hành Đại hội

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông của Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 21/03/2023.

III. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 5. Điều kiện tham dự Đại hội

Tất cả các cổ đông là cá nhân hoặc người đại diện theo ủy quyền bằng văn bản của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được người đại diện của tổ chức sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty ủy quyền tham dự tại thời điểm chốt danh sách ngày 21/03/2023 do Trung tâm Lưu ký chứng khoán xác nhận.

Điều 6. Quy định về Ủy quyền

6.1. Việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- Trường hợp cổ đông là cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

- Trường hợp người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp;

- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

- Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- Cổ đông gửi kèm giấy ủy quyền 01 bản giấy tờ tùy thân (công chứng) của người ủy quyền và 01 bản giấy tờ tùy thân (công chứng) của người được ủy quyền để xác nhận tư cách tham dự đại hội của người được ủy quyền.

6.2. Các trường hợp Giấy ủy quyền được lập thành văn bản không theo mẫu của Công ty sẽ do Chủ tọa đại hội toàn quyền quyết định tính hợp lệ của Giấy ủy quyền đó.

6.3. Một người có thể làm đại diện theo ủy quyền cho một hoặc nhiều cổ đông.

6.4. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông tham dự đại hội

7.1. Quyền của các cổ đông tham dự đại hội

- Được trực tiếp tham dự hoặc uỷ quyền cho người khác tham dự họp đại hội bằng văn bản ủy quyền theo mẫu của Công ty;

- Khi tham dự cuộc họp đại hội cổ đông thường niên, mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông khi tới tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đều được cấp tài khoản truy cập để đăng ký tham dự họp và biểu quyết;

Cổ đông thực hiện đăng nhập vào hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: ***https:// https://binhchon.datphuong.com.vn/DPG/*** hoặc ***quét mã QR*** để đăng ký tham dự và biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp.

+ Cổ đông đăng nhập theo cách thức sau:

Tên đăng nhập (Username) và mã OTP để đăng nhập vào hệ thống;

Tên đăng nhập (Username) của cổ đông là: Số giấy chứng minh nhân dân; Số thẻ căn cước công dân; Mã số doanh nghiệp, mã số thuế; Mã số nhà đầu tư nước ngoài; Số điện thoại.

- Được thảo luận và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty;

- Được Ban tổ chức thông báo nội dung, chương trình Đại hội;

- Được phát các tài liệu nội dung, chương trình Đại hội kèm theo;

- Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi Đại hội đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7.2. Nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông khi tham dự Đại hội

- Tuân thủ đúng theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế này;

- Khi cổ đông hoặc người được ủy quyền đến tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham gia Đại hội với Ban tổ chức Đại hội và xuất trình các giấy tờ sau:

+ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu.

+ Giấy ủy quyền hợp lệ (trường hợp được ủy quyền tham dự đại hội).

- Nghiêm túc chấp hành nội quy tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội;

- Phát biểu và biểu quyết phù hợp với hướng dẫn của Ban tổ chức và tôn trọng sự điều khiển Đại hội của Chủ tọa Đại hội;

- Việc ghi âm, ghi hình Đại hội phải được thông báo công khai và được sự chấp thuận của Chủ tọa Đại hội.

- Tự túc về các chi phí để tham dự đại hội (như phương tiện đi lại, ăn uống, nghỉ ngơi…).

- Cổ đông biểu quyết thông qua Hệ thống trực tuyến có nghĩa vụ:

+ Chuẩn bị và sử dụng thiết bị phù hợp, có kết nối internet để đảm bảo thực hiện biểu quyết, bỏ phiếu đầy đủ theo các nội dung, chương trình của cuộc họp ĐHĐCD.

+ Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có Cổ đông/đại diện cổ đông mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống trực tuyến.

+ Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc biểu quyết thực hiện bằng tài khoản truy cập của Cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện biểu

quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của Cổ đông.

+ Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, dầy dủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

Điều 8: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội và Ban thư ký

8.1. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội

- Cuộc họp DHCD sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa tiến hành điều khiển Đại hội;

- Quyết định của chủ toạ về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất;

- Chủ toạ Đại hội có thể tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để Đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự;

- Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến đại hội;

- Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký đại hội lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Chủ toạ có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông dã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp (phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty) trong các trường hợp sau dây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

c) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết.

Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

8.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban thư ký Đại hội

Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký Đại hội lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông. Ban thư ký có chức năng lập Biên bản đại hội và thực hiện các công việc trợ giúp theo sự phân công của Chủ tọa.

Điều 9: Ban kiểm phiếu

- Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp được thông qua bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại đại hội. Thành viên Ban kiểm phiếu có thể không phải là cổ đông của Công ty.

- Ban kiểm phiếu bao gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ và trách nhiệm như sau:

+ Hướng dẫn tóm tắt quy định về biểu quyết;

+ Kiểm tra, giám sát việc biểu quyết của cổ đông và đại diện cổ đông;

+ Tổ chức kiểm phiếu;

+ Lập biên bản kết quả kiểm phiếu biểu quyết, công bố kết quả trước đại hội cổ đông.

+ Bàn giao biên bản kết quả kiểm phiếu và toàn bộ phiếu biểu quyết cho Chủ tịch đoàn đại hội.

+ Ban kiểm phiếu phải đảm bảo tính trung thực của việc kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cổ đông nếu xảy ra sai phạm.

IV. TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10: Nội dung tiến hành Đại hội

Đại hội sẽ lần lượt thảo luận và thông qua các nội dung theo Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát như sau:

1) Báo cáo tài chính năm 2022.

2) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022.

3) Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022.

4) Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022.

5) Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023.

6) Thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty.

7) Sửa đổi Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT theo mô hình mới.

8) Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt các dự án, chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; các giao dịch, hợp đồng ký giữa Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương và các bên có liên quan.

9) Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

10) Lựa chọn đơn vị kiểm toán.

Điều 11: Quy định hình thức biểu quyết thông qua các nội dung tại Đại hội

Việc biểu quyết các nội dung tại Đại hội sẽ được thực hiện theo hình thức dưới đây:

11.1. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử:

Việc biểu quyết các nội dung họp sẽ được thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

a. Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông đến dự Đại hội sẽ được cấp tài khoản truy cập để thực hiện việc biểu quyết.

b. Khi thực hiện việc bỏ phiếu điện tử trên hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ được quy định tại điểm 7.2 Điều 7 quy chế này. Cổ đông thực hiện đăng nhập vào hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cấp để thực hiện bỏ phiếu điện tử.

Cổ đông có quyền biểu quyết là Cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của Cổ đông đã đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ tính đến thời điểm biểu quyết.

c. Các cổ đông bỏ phiếu biểu quyết theo nguyên tắc sau:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu và kết thúc khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu .

- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông không thể thay đổi kết quả biểu quyết sau khi đã gửi thành công trên hệ thống. Đối với các nội dung biểu quyết thay đổi hoặc phát sinh trong thời gian tổ chức Đại hội, Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông thực hiện biểu quyết bổ sung cho những nội dung thay đổi, phát sinh đó. Các nội dung khác mà Cổ đông đã biểu quyết trước đó không thay đổi.

Kết quả biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông là tổng hợp kết quả biểu quyết được ghi nhận tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Chủ tọa thông báo tại ĐHĐCD. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến ĐHĐCD, Hệ thống trực tuyến sẽ được đóng lại và Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của Cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của Cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống là kết quả cuối cùng và công ty được miễn trừ trách nhiệm về kết quả biểu quyết của Cổ đông khi Cổ đông đã đăng nhập hợp lệ và biểu quyết trên Hệ thống.

Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo Đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

Trường hợp Cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ với Ban tổ chức để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu.

Cổ đông không thực hiện việc biểu quyết thì được coi là Cổ đông không tham dự biểu quyết.

* Phiếu biểu quyết hợp lệ: là phiếu biểu quyết của Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của Cổ đông có tham gia biểu quyết, có chọn phương án biểu quyết và hoàn thành việc gửi trên Hệ thống trực tuyến. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số cổ phần tham gia biểu quyết hợp lệ.

Trường hợp Cổ đông đăng nhập thành công để tham dự Đại hội nhưng không lựa chọn ý kiến nào (không đánh dấu chọn vào ô nào) sẽ được hiểu là Cổ đông không tham gia biểu quyết.

d. Tiến hành biểu quyết

- Mỗi cổ đông/ đại diện cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương tứng với tổng số cổ phần sở hữu/ tổng số cổ phần đại diện.

- Trên mỗi phiếu biểu quyết đều có danh mục các nội dung biểu quyết. Cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến và nhấn nút "Gửi biểu quyết" để lưu và gửi kết quả biểu quyết về hệ thống.

e. Kiểm phiếu biểu quyết.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi biểu quyết kết thúc.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, Trưởng ban kiểm phiếu đọc biên bản kiểm phiếu trước đại hội.

Mọi công việc kiểm tra, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu phải được ban kiểm phiếu làm việc trung thực, chính xác và phải chịu trách nhiệm về kết quả đó.

g. Công bố kết quả kiểm phiếu

- Sau khi quá trình kiểm phiếu biểu quyết hoàn thành Ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu.

- Trưởng ban kiểm phiếu thay mặt Ban kiểm phiếu đọc biên bản kết quả kiểm phiếu trước Đại hội.

11.2. Biểu quyết trực tiếp:

Việc biểu quyết trực tiếp được áp dụng đối với các trường hợp không áp dụng hình thức biểu quyết quy định tại Điều 11.1 trên đây. Trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp, cổ đông/ đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết vấn đề cần lấy ý kiến bằng cách giơ tay hoặc bằng hình thức khác theo sự điều khiển của Chủ tọa.

Điều 12: Phát biểu ý kiến tại Đại hội:

Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp khi phát biểu ý kiến phải giơ tay và được sự chấp thuận của Chủ tọa đại hội. Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền đến dự họp có thể đăng ký nội dung phát biểu tại Đại hội với Đoàn Chủ tịch hoặc qua thư ký Đại hội bằng phiếu đặt câu hỏi. Khi Chủ tọa chỉ định ai thì người đó phát biểu. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, và phù hợp với nội dung đang thảo luận tại Đại hội. Cổ đông không phát biểu lại những ý kiến đã được cổ đông khác phát biểu và chỉ các ý kiến phát biểu phù hợp với nội dung chương trình Đại hội mới được ghi vào Biên bản cuộc họp.

Điều 13: Thông qua quyết định tại Đại hội

Các vấn đề của Đại hội được thông qua khi có sự chấp thuận của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội với tỷ lệ theo quy định trong Điều lệ của Công ty và quy định của Luật Doanh Nghiệp

Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; tổ chức lại, giải thể công ty; dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; thay đổi ngành nghề lĩnh vực kinh doanh; thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;

Các nội dung khác phải được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành;

Đối với nghị quyết về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành.

V. KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 14: Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội cổ đông được Ban Thư ký Đại hội ghi vào biên bản tại cuộc họp. Biên bản cuộc họp được Trưởng ban thư ký đọc và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bế mạc cuộc họp và được lưu giữ tại Công ty.

Điều 15: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa ra Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về

các vấn đề đã được Đại hội thông qua.

- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp.

VI. ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 16: Trường hợp tổ chức cuộc họp Đại hội cổ đông không thành

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 4 Quy chế này, thì được triệu tập lần thứ 2 trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần họp thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 2. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17: Hiệu lực thi hành

Quy chế này bao gồm 7 phần, 17 điều, có hiệu lực ngay khi được thông qua tại Đại hội cổ đông ngày 22 tháng 04 năm 2023.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0101218... C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Lương Minh Tuấn

DATPHUONG

TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
T: (+84) 24 37 830 856 | W: datphuong.com.vn
A: Tầng 15, Toà nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ,
Đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2023

Kính thưa quý Cổ đông!

Năm 2023, sau hơn một năm kể từ khi chuyển đổi sang mô hình quản trị mới, Tập đoàn Đạt Phương tiếp tục đi theo định hướng phát triển bền vững, chú trọng xây dựng và củng cố đội ngũ, lựa chọn đối tác cũng như ưu tiên đồng hành cùng những đối tác uy tín, cam kết mang lại giá trị thật và sự hài lòng đến cho khách hàng, đối tác, cổ đông và cán bộ nhân viên.

Chiến lược của Tập đoàn là tập trung vào 4 lĩnh vực cốt lõi là xây dựng, năng lượng, bất động sản và dịch vụ khách sạn nghỉ dưỡng. Trọng tâm của chiến lược này là xây dựng hệ sinh thái Đạt Phương đồng bộ, tạo nên sức mạnh liên kết thương hiệu chặt chẽ, đồng thời có không gian độc lập và dư địa lớn cho từng mảng hoạt động, từng công ty thành viên phát huy được "sở trường" của mình. Đây là mô hình đã được chứng minh hiệu quả ở các tập đoàn lớn trên thế giới.

I/. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD NĂM 2022:

1. Về lĩnh vực kinh doanh khối xây lắp:

Ở bối cảnh chung của Thế giới, năm 2022 vừa qua là một năm nhiều khó khăn và thử thách, kinh tế thế giới bắt đầu khôi phục sản xuất sau đại dịch covid lại phải đối mặt với căng thẳng chính trị giữa Nga và Ukraina.

Với ngành xây dựng hạ tầng giao thông, thủy lợi, biến động giá dầu trên thị trường thế giới là một trong những yếu tố chính ảnh hưởng đến giá nhiên liệu, gây ra tác động lớn đến chi phí xây dựng và bảo trì các công trình hạ tầng giao thông. Tuy nhiên, ngành giao thông vẫn đang tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế của đất nước. Bộ GTVT tiếp tục triển khai nhiều dự án quan trọng, đặc biệt là các dự án đường bộ cao tốc, đóng góp tích cực cho sự phát triển của nền kinh tế và việc giải quyết tình trạng kẹt xe trên các tuyến đường chính.

Với tình hình đó, Hội đồng Quản trị (HĐQT) chủ trương tiếp cận, đấu thầu các dự án đang được Chính phủ ưu tiên phân bổ nguồn vốn, tập trung bám sát kế hoạch kinh doanh mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 đã thông qua.

Để đảm bảo hiệu quả kinh doanh, an toàn tài chính, HĐQT đã điều chỉnh kế

hoạch theo nguyên tắc hạn chế tối đa bị chiếm dụng vốn, một số dự án phải điều chỉnh kế hoạch do không có nguồn vốn hoặc đã có nguồn vốn nhưng lại chưa có mặt bằng. Do đó kết quả kinh doanh năm 2022 đạt cụ thể như sau:

a) Kết quả kinh doanh của công ty mẹ Tập đoàn Đạt Phương:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Kết quả 2022	Tỷ lệ HT %
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.490	2.320,03	93,17%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	111	125,64	113,19%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	91	113,99	125,27%
4	**Cổ tức ***	**%**	**10 %**		

b) Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1:

Năm 2022, mặc dù mới thành lập nhưng với sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV, Công ty Cổ phần Xây dựng Dạt Phương số 1 đã thực hiện và hoàn thành nhiều dự án trọng điểm như:

- Hoàn thành vượt tiến độ Công trình đê chắn sóng và cải tạo bãi biển, thuộc dự án Chống xói lở khẩn cấp bờ biển Cửa Đại, TP. Hội An

- Hoàn thành các hạng mục chính, chuyển sang giai đoạn hoàn thiện dự án đường cao tốc Vĩnh Hảo - Phan Thiết;

- Khởi công và triển khai các hạng mục chính thuộc công trình cầu Thuận An, công trình đê chắn sóng cảng Chân Mây, tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Năm 2022, công ty đạt được kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2022
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	839,16
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	3,98

c) Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2:

Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2 được tái cơ cấu từ nền tảng của Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn. Sau 2 năm tạm dừng do tái cấu trúc, Công ty hoạt động trở lại từ tháng 3 năm 2022 với tên gọi mới. Sau 9 tháng hoạt động, Đạt Phương 2 đã thực hiện và hoàn thành một số dự án trọng điểm như sau:

- Hợp long nhịp chính, hoàn thành kết cấu vòm thép và chuyển sang giai đoạn

hoàn thiện công trình cầu Thôn 3, tỉnh Quảng Nam

- Khởi công và triển khai các hạng mục chính thuộc công trình cầu Nhơn Trạch, thuộc dự án đường Tân Vạn - Nhơn Trạch nối TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai.

- Khởi công và triển khai các hạng mục chính thuộc công trình cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình.

Năm 2022, công ty đạt được kết quả SXKD như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả năm 2022
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	632,41
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,27

2. Về kết quả kinh doanh khối năng lượng:

a) Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung:

Năm 2022 là năm có điều kiện thủy văn rất thuận lợi cho hoạt động phát điện, mưa đến sớm và phân bổ đều từ tháng 4 nên lưu lượng nước về hồ thượng lưu rất lớn. Kết quả SXKD năm 2022 đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Kết quả 2022	Tỷ lệ HT %
1	Doanh thu thuần (bán điện)	Tỷ đồng	110,8	153,83	138,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	70,6	113,13	160,0%
3	**Cổ tức**	**%**		40%	

b) Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà:

Năm 2022, Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà quản lý, vận hành các nhà máy thủy điện Sơn Trà 1A-1B-1C, đồng thời thực hiện công tác quyết toán hoàn thành dự án Sơn Trà 1C.

Trong năm 2022, thời tiết trong khu vực dự án và các vùng lân cận ít bị ảnh hưởng bởi các cơn bão, tuy nhiên lượng mưa nhiều và được rải đều trong các tháng, mặt khác lưu lượng nước trên nhánh sông từ nhà máy thủy điện Thượng Kon Tum thường xuyên về lưu vực của dự án đã làm ổn định lượng nước về hồ.

Năm 2022 là năm đầu tiên cả ba Nhà máy thủy điện Sơn Trà 1A-1B-1C cùng đi

vào vận hành đầy đủ xuyên suốt và các thiết bị các Nhà máy vận hành ổn định, đạt hiệu suất cao và không xảy ra các sự cố nghiêm trọng.

Kết quả SXKD năm 2022 đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Kết quả 2022	Tỷ lệ HT %
1	Doanh thu thuần (bán điện)	Tỷ đồng	400,04	503,17	125,78%
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	126,63	236,75	186,96%
3	**Cổ tức**	**%**		20%	

c) Trong năm, HĐQT đã quyết định mua lại 100% vốn của Công ty TNHH thực phẩm BEE và Công ty TNHH FUKUNANA để mở rộng kinh doanh sang mảng điện mặt trời áp mái.

3. Về kết quả kinh doanh khối đầu tư bất động sản:

a) Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An:

Năm 2022 là năm đặc biệt khó khăn đối với các doanh nghiệp bất động sản do những thay đổi trong chính sách tiền tệ, lãi vay và trái phiếu doanh nghiệp và dự kiến còn tiếp tục kéo dài sang năm 2023 dẫn đến việc tiếp cận nguồn vốn của doanh nghiệp và khách hàng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bán hàng, phân phối các sản phẩm của Công ty.

Tuy nhiên, các sản phẩm của các dự án mang thương hiệu Casamia tại Khu đô thị dịch vụ Đồng Nà và Khu đô thị Võng Nhi được khách hàng đánh giá cao về chất lượng, mỹ thuật, tiến độ, tạo được vị trí vững chắc trên thị trường và uy tín với khách hàng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đã đạt được như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Kết quả 2022	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.095	604,81	55,23 %
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	217,25	138,02	63,53 %

Ngoài mảng bất động sản Công ty đầu tư phát triển thêm khối khách sạn, nhà hàng, cung cấp dịch vụ ăn uống... Trong năm 2022, Công ty tổ chức đầu tư và đưa vào khai thác vận hành 01 "Nhà hàng Bếp Tre" tại dự án khu đô thị dịch vụ Đồng Nà và 01 nhà hàng "Tre Coffee - Lounge & Dining" tại dự án khu đô thị Võng Nhi. Cũng trong năm, Công ty khởi công dự án khách sạn Casamia Hội An tiêu chuẩn 5 sao, dự kiến hoàn thành đi vào khai thác vào tháng 12 năm 2024.

4. Kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2022	Kết quả 2022	Tỷ lệ %
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.825	3.319,48	86,78%
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	523	584,10	111,68%
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	442	519,31	117,49%
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	343	383,26	111,75%

5. Tổng số vốn đã đầu tư vào các công ty con tính đến 31/12/2022 như sau:

TT	Danh mục đầu tư dài hạn	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ tham gia vốn góp
1	Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1	21	70%
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2	21	70%
3	Công ty CP Thủy điện Đạt Phương Sông Bung	116,508	61,32%
4	Công ty CP Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà	383,85	68,3%
5	Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An	152	88,89%
6	Công ty TNHH thực phẩm BEE	32,97	100%
7	Công ty TNHH FUKUNANA	15,87	100%
	Tổng cộng	**743,2**	

Năm 2022, Tập đoàn Đạt Phương lần thứ 8 được gọi tên trong "Top 50 Doanh nghiệp Việt Nam xuất sắc nhất năm 2022" và lần thứ 12 liên tiếp nằm trong Top500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) do Vietnam Report và báo VietnamNet tổ chức. Bảng xếp hạng Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam (Top 50 of The best) ghi nhận và tôn vinh Top 50 Doanh nghiệp có hiệu quả kinh doanh xuất sắc nhất Việt Nam, đồng thời duy trì được kết quả kinh doanh ổn định và bền vững trong suốt giai đoạn 2014-2022. Bảng xếp hạng nhằm phát triển các doanh nghiệp trở thành biểu tượng có uy tín quốc gia và quốc tế.

Công trình nhà cộng đồng (Clubhouse) tại khu đô thị Casamia của Tập đoàn Đạt Phương đã chiến thắng hạng mục kiến trúc nghỉ dưỡng của giải thưởng Architecture

Masterprize (AMP) năm 2022. Đây là giải thưởng kiến trúc toàn cầu nhằm tôn vinh sự sáng tạo và đổi mới trong thiết kế kiến trúc, thiết kế nội thất, kiến trúc cảnh quan, sản phẩm kiến trúc và nhiếp ảnh kiến trúc.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2023:

Trước những dự báo về thị trường, Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023 trình Đại hội đồng cổ đông, với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Kế hoạch kinh doanh công ty mẹ năm 2023:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.816,73
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	109,90
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	101,75
4	Dự kiến trả cổ tức	%	**10**

2. Kế hoạch đầu tư, kinh doanh của các công ty thành viên

2.1. Kế hoạch kinh doanh khối xây lắp:

Căn cứ tình hình triển khai các dự án dở dang và khả năng tiếp cận các dự án mới, kế hoạch SXKD năm 2023 được xây dựng như sau:

a. **Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 1**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	893,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	9,78
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	7,82

b. **Công ty Cổ phần Xây dựng Đạt Phương số 2:**

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.058,79
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	10,04
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	8,03

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh khối năng lượng:

Căn cứ vào lượng nước hiện tại của các hồ chứa, số liệu điều tra thủy văn, kế

hoạch phát điện, tích nước; kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng của các nhà máy và biểu giá tránh được, kế hoạch SXKD năm 2023 như sau:

a. Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sông Bung:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	121,03
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	83,36
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	79,18

b. Công ty Cổ phần Thủy điện Đạt Phương Sơn Trà:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	438,1
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	170,9
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	162,4

c. Công ty TNHH thực phẩm BEE:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	6,12
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,1
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	1,7

d. Công ty TNHH FUKUNANA:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3,07
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	0,8
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,7

2.3 Kế hoạch sản xuất kinh doanh khối đầu tư bất động sản:

Năm 2023 thị trường bất động sản vẫn tiếp tục rơi vào trầm lắng, những khó khăn từ năm trước đang để lại những ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác bán hàng, phân phối các sản phẩm của Công ty.

a. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An năm 2023 như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu trước thuế VAT	Tỷ đồng	100,0
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	1,1
3	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	0,88

b. Công tác đầu tư:

Tiếp tục triển khai các công việc của dự án Khu đô thị Cồn Tiến, triển khai đầu tư xây dựng khách sạn Casamia Hội An, hoàn thành công tác chuyển quyền sử dụng đất và tài sản trên đất đối với các căn hộ đã bàn giao cho khách hàng.

- **Khu đô thị Cồn Tiến.**

- Hoàn thành công tác BT-GPMB phần diện tích còn lại của dự án.

- Tổ chức nghiệm thu hoàn thành hạ tầng kỹ thuật cho phần diện tích đã được Nhà nước giao đất.

- Hoàn thành thủ tục pháp lý, đảm bảo đủ điều kiện bán hàng.

- Xác định xong mức thu tiền sử dụng đất của dự án và hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất cho phần diện tích đã được giao đất.

- Công tác triển khai thi công: Hoàn thành toàn bộ hạ tầng kỹ thuật.

- **Kế hoạch triển khai đầu tư xây dựng khách sạn Casamia Hội An tại Khu đô thị Võng Nhi:**

- Thi công xây dựng phần thô khách sạn: Hoàn thành 90% hạng mục công việc.
- Thi công hệ thống cơ điện (MEPF): Hoàn thành 60% hạng mục công việc
- Thi công xây dựng trạm biến áp, đường dây trung thế: hoàn thành
- Thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: Hoàn thành 70% công việc.
- Mua sắp thiết bị điện, nội thất: hoàn thành 30% hạng mục công việc

3. Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch 2023
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3,436,12
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	314,43
3	Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất	Tỷ đồng	287,60
4	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	Tỷ đồng	200,8

II. ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2023:

1. Đối với hoạt động xây lắp:

Trong lĩnh vực xây lắp, năm 2023 được xem là cơ hội để phát triển và mở rộng thị trường, đặc biệt trong bối cảnh chính sách tài khoá và tiền tệ hỗ trợ phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội đã được Quốc hội thông qua. HĐQT xác định cần tập trung vào tìm kiếm các hợp đồng mới, xây dựng quỹ việc làm và đầu tư cho những năm tiếp theo.

Công ty chủ trương chấp nhận biên lợi nhuận sẽ giảm hơn những năm trước nhưng tập trung ưu tiên kiểm soát dòng tiền.

Với lợi thế có sẵn về thiết bị và con người, tập trung chú trọng vào kiểm soát chi phí sản xuất với giá cạnh tranh trên nguyên tắc: Đảm bảo chất lượng, thẩm mỹ, tiến độ nhanh và biên lợi nhuận phù hợp. Tiếp tục phát triển thương hiệu và xây dựng hình ảnh nhà đầu tư chuyên nghiệp, tổng thầu uy tín.

2. Đối với hoạt động bất động sản:

Mặc dù mảng kinh doanh Bất động sản vẫn sẽ là mảng kinh doanh chính mang lại giá trị cho công ty. Tuy nhiên, năm 2023 xác định thị trường bất động sản vẫn còn tiếp tục đóng băng, chưa có dấu hiệu khởi sắc. Việc tiếp cận tài chính đối với nhà đầu tư và khách hàng cũng gặp nhiều khó khăn. Vì vậy, HĐQT đã đưa ra định hướng cụ thể là:

- Đối với các dự án đang triển khai dở dang: Tập trung hoàn thiện các thủ tục về mặt pháp lý, công tác đầu tư xây dựng hạ tầng và các nghĩa vụ tài chính đảm bảo đủ điều kiện bán hàng.

- Tìm kiếm các dự án bất động sản có tiềm năng phù hợp với định hướng phân khúc sản phẩm của công ty tại các tỉnh thành trên cả nước để đầu tư. Cụ thể là tập trung vào công tác nghiên cứu phân tích thị trường, phân tích dự án, thuê tư vấn uy tín, có thương hiệu để lập quy hoạch, thiết kế và đấu thầu dự án.

- Tập trung ưu tiên nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội để đầu tư vào các dự án bất động sản công nghiệp.

3. Đối với hoạt động của khối năng lượng:

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng và dự báo để tối ưu hóa hiệu quả đối với những dự án đang vận hành.

4. Đối với hoạt động của khối khách sạn, dịch vụ:

- Thị trường du lịch sẽ bắt đầu phục hồi và bùng nổ vào những năm tiếp theo, vì vậy việc đầu tư xây dựng khách sạn phải đảm bảo đúng theo tiến độ để đưa vào khai thác vận hành vào quý 4 năm 2024.

- Tập trung ưu tiên xây dựng thương hiệu, hệ thống quản lý, hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật 5* để tạo nên thương hiệu khách sạn cao cấp và bền vững.

- Tập trung các thủ tục pháp lý, công tác thiết kế để chuẩn bị cho việc đầu tư khách sạn vào những năm tiếp theo.

5. Một số lĩnh vực khác:

Để xây dựng một hệ sinh thái của Đạt Phương đa dạng, hiệu quả, HĐQT nghiên cứu mở rộng dầu tư thêm một số lĩnh vực sản xuất có tiềm năng liên quan đến nhu cầu thiết yếu và một số lĩnh vực sản xuất ứng dụng công nghệ cao với mục tiêu là sản phẩm xuất khẩu và cạnh tranh toàn cầu.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Hội đồng Quản trị công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương, kính trình Đại hội đồng cổ đông đóng góp ý kiến và thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0101218757-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
Q.NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Lương Minh Tuấn

DATPHUONG

TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
T. (+84) 24 37 830 856 | W. datphuong.com.vn
A. Tầng 15, Toà nhà Handico, KĐT mới Mễ Trì Hạ, Đường Phạm Hùng, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT NĂM 2022; KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

Xin chào các quý vị Cổ đông!

Hôm nay, chúng ta gặp mặt nhau ở đây cùng tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

Thay mặt Hội đồng quản trị (HĐQT), tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý cổ đông đã dành thời gian tới tham dự Đại hội. Kính chúc quý cổ đông sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Sau đây, tôi xin được trình bày báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2022 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023:

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2022:

1. BÁO CÁO VỀ MẶT QUẢN TRỊ:

Một năm đã trôi qua kể từ khi Đạt Phương chuyển sang mô hình tập đoàn đa ngành, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong chiến lược phát triển của công ty. Trong năm 2022, HĐQT đã tiến hành nhiều cuộc họp và ban hành 40 nghị quyết/ quyết định quan trọng liên quan đến định hướng chiến lược, hoạt động sản xuất kinh doanh và cải thiện toàn diện chất lượng quản lý của Tập đoàn và các công ty thành viên. Hội đồng quản trị đã thông qua một số nội dung chính, đánh dấu sự khởi đầu cho một giai đoạn mới của Tập đoàn Đạt Phương trong hành trình phát triển bền vững và đảm bảo tối đa lợi ích của các cổ đông:

- Ban hành Nghị quyết thông qua các giao dịch giữa Công ty CP tập đoàn Đạt Phương với các công ty con, công ty thành viên có liên quan;

- QĐ tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022;

- Quyết định của chủ sở hữu CTCP Tập đoàn Đạt Phương về việc mở lại hoạt động kinh doanh đối với Công ty TNHH MTV Đạt Phương Sài Gòn;

- Quyết định ban hành và áp dụng hệ thống nhận diện thương hiệu mới của tập đoàn Đạt Phương;

- Quyết định về việc tham gia góp vốn và cử người đại diện quản lý phần vốn tại CTCP Xây dựng Đạt Phương số 1; Quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của công ty tại CTCP Xây dựng Dạt Phương số 2;

- QĐ về việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021

- QĐ về việc vay vốn, bảo lãnh tại Vietcombank Chi nhánh Thăng Long; Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Thăng Long; Ngân hàng TMCP công thương Việt Nam CN Thăng Long;

- Quyết định về việc về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022;

- Quyết định ban hành Quy chế chức năng nhiệm vụ Tập đoàn Đạt Phương; đổi tên các phòng chức năng thành các ban chức năng; thay đổi chức danh cán bộ quản lý các ban chức năng;

- Quyết định về việc mua phần vốn góp Công ty TNHH thực phẩm BEE, cử người đại diện theo ủy quyền phần vốn góp, thay đổi đại diện pháp luật, thay đổi điều lệ mới;

- Quyết định về việc mua phần vốn góp Công ty TNHH Fukunana, cử người đại diện theo ủy quyền phần vốn góp, thay đổi đại diện pháp luật, thay đổi điều lệ;

- Quyết định bổ nhiệm một số vị trí: Bổ nhiệm 02 Phó tổng Giám đốc Tập đoàn, bổ nhiệm Giám đốc khối Đầu tư và phát triển Khách sạn & Trưởng ban Thiết bị;

- Quyết định miễn nhiệm một số chức danh của các cá nhân: miễn nhiệm chức danh Trưởng ban Marketing; Giám đốc khối Đầu tư và Phát triển triển khách sạn;

- Quyết định về việc thành lập Ban QLDA triển khai hệ thống báo cáo quản trị Tập đoàn .

Hội đồng quản trị luôn bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2022 đã thông qua, đồng thời kịp thời tổ chức các cuộc họp để bàn bạc, thảo luận và ban hành các quyết định, quy chế, chính sách phù hợp với thực tiễn để quản trị và điều hành các hoạt động của công ty.

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT:

Hiện nay, tổng số thành viên HĐQT của Tập đoàn Đạt Phương gồm 06 người, trong đó có 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch, 02 thành viên HĐQT độc lập và 02 thành viên HĐQT. Trong năm 2022, căn cứ vào phân công nhiệm vụ, từng thành viên HĐQT đã được kết quả như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Phân công nhiệm vụ và báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT năm 2022
I	Ông **Lương Minh Tuấn** - Chủ tịch HĐQT	- Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

TT	Thành viên HĐQT	Phân công nhiệm vụ và báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT năm 2022
		- Chuẩn bị nội dung, chương trình phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; - Tổ chức việc thông qua Quyết định của HĐQT; - Phụ trách các công tác liên quan đến cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu (thuộc thẩm quyền của HĐQT); - Giám sát quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; - Phụ trách xây dựng chiến lược phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh thủy điện, bất động sản, du lịch, khách sạn, nhà hàng; - Phụ trách xây dựng chiến lược tài chính trung dài hạn và hàng năm của công ty; - Phụ trách quản trị thương hiệu, truyền thông, nhà đầu tư; - Tham gia quản lý phần vốn góp tại Công ty CP Sông Bung, Công ty CP 30-4 Quảng Ngãi, Công ty CP Đạt Phương Hội An;
2	Ông **Phạm Kim Châu** - Phó chủ tịch HĐQT, phó TGĐ	- Phụ trách xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp; - Phụ trách về kiểm toán nội bộ, giám sát điều hành hoạt động kinh doanh của các Công ty thành viên; - Phụ trách giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp; - Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị điều hành các hoạt động liên quan tới Hội đồng quản trị trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt; - Tham gia quản lý phần vốn góp tại Công ty CP Sông Bung, Công ty CP xây dựng Đạt Phương số 1, Công ty CP xây dựng Đạt Phương số 2;

TT	Thành viên HĐQT	Phân công nhiệm vụ và báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT năm 2022
3	Ông **Trần Anh Tuấn** - TV HĐQT, Tổng giám đốc	- Trực tiếp điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Đạt Phương, Công ty CP Sông Bung; - Phụ trách về xây dựng cơ cấu tổ chức, bộ máy, xây dựng quy chế nội bộ về điều hành Công ty; - Phụ trách xây dựng chiến lược, kế hoạch, phương án đầu tư các dự án dầu tư công nghệ thiết bị để nâng cao hiệu quả trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty; - Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định pháp luật; - Phụ trách việc phát triển thị trường, phương án đầu tư xây dựng các dự án năng lượng; - Tham gia quản lý phần vốn góp tại Công ty CP Sông Bung, Công ty CP xây dựng Đạt Phương số 1, Công ty CP xây dựng Đạt Phương số 2;
4	Ông **Đặng Hoàng Huy** - Thành viên HĐQT	- Phụ trách xây dựng phương án dầu tư kinh doanh các dự án Bất động sản, đô thị. - Giám sát công tác đầu tư xây dựng các dự án Bất động sản, đô thị; - Phụ trách, kiểm soát các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông, HĐQT phê duyệt;
5	Ông **Đỗ Xuân Diện** - Thành viên HĐQT độc lập	- Phụ trách công tác phát triển thị trường của tất cả các lĩnh vực kinh doanh của công ty; nghiên cứu, phát triển các lĩnh vực kinh doanh mới, tiềm năng cho công ty. - Phụ trách xây dựng chiến lược, kế hoạch, phương án đầu tư các dự án Bất động sản công nghiệp, công nghiệp kết hợp đô thị, lĩnh vực sản xuất. - Giám sát công tác đầu tư xây dựng các dự án Bất động sản công nghiệp, công nghiệp kết hợp đô thị; - Giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty;

TT	Thành viên HĐQT	Phân công nhiệm vụ và báo cáo kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT năm 2022
		- Phụ trách về lĩnh vực nhân sự, lương thưởng của công ty;
6	Bà **Lê Thị Thu Trang** - Thành viên HĐQT độc lập	- Phụ trách xây dựng phương án đầu tư, kinh doanh các dự án khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh thương mại; - Giám sát công tác xây dựng sản phẩm, ý tưởng kinh doanh, đầu tư xây dựng các dự án khách sạn, nhà hàng, du lịch, kinh doanh thương mại và giám sát công tác quản lý vận hành trong giai đoạn khai thác. - Giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty.

Đánh giá chung: Các thành viên HĐQT công ty có trình độ chuyên môn cao, dày dặn kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của Đạt Phương. Trong năm 2022 các thành viên Hội đồng quản trị đã làm việc tích cực, hiệu quả và trách nhiệm cao. Các thành viên đều tham gia đầy đủ, đưa ra những ý kiến thảo luận trong các phiên họp của HĐQT, từng thành viên đã hoàn thành nhiệm vụ được phân giao.

3. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN ĐIỀU HÀNH:

HĐQT thường xuyên giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và Ban Điều hành thông qua các Nghị quyết, Quyết định. Tùy thuộc tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm, HĐQT đã đưa ra những chính sách phù hợp, những quyết sách hợp lý để giảm thiểu những rủi ro và tăng cường hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Việc giám sát đối với Ban Điều hành được thực hiện song hành với kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả của chính sách nâng cao chất lượng và thu nhập của người lao động, các nội dung giám sát gồm:

- Giám sát việc lập kế hoạch SXKD năm 2022 và thực hiện các chỉ tiêu năm 2022 theo kế hoạch đã được ĐHĐCĐ phê duyệt;

- Giám sát hoạt động quản lí của Ban TGĐ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra.

- Rà soát và nâng cao hoạt động quản trị doanh nghiệp, kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro;

- Giám sát việc lập báo cáo tài chính riêng và hợp nhất cho các quý và năm tài chính 2022 theo đúng trình tự, tiến độ và quy định;

- Giám sát việc chi trả cổ tức cho cổ đông;

- Giám sát việc tuân thủ các nghị quyết của ĐHĐCD, HĐQT.

HĐQT đánh giá cao Ban Điều hành đã nỗ lực trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh, luôn bám sát và chấp hành nghiêm túc các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Ban điều hành làm tốt công tác đoàn kết nội bộ, tạo ra môi trường làm việc tích cực, nhiệt tình, sáng tạo và hiệu quả trên toàn hệ thống công ty.

Các quyết sách của HĐQT được Ban điều hành triển khai quyết liệt nhưng thận trọng, chắc chắn. Các dự án đều đảm bảo chất lượng, hiệu quả, không có dự án nào bị rủi ro tài chính.

Duy trì và củng cố được uy tín của công ty với các đối tác, khách hàng, luôn là khách hàng uy tín với các ngân hàng.

Đánh giá chung, Ban Điều hành đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2022.

4. BÁO CÁO CÁC GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY, CÔNG TY THÀNH VIÊN VỚI CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN:

Chi tiết các giao dịch được trình bày tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022.

5. THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm công ty đã thực hiện việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát như sau:

5.1. Tổng thù lao Hội đồng Quản trị:

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 07/05/2022, tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2022 = 1,5% "x" Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2022, tương đương với số tiền : 5.748,83 triệu đồng.

- Thực tế đã chi năm 2022 : 4.043,92 triệu đồng.

5.2. Tổng thù lao Ban kiểm soát

- Theo nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 : 700 triệu đồng.

- Thực chi năm 2022 : 700 triệu đồng.

* Chi tiết lương, thưởng đối với từng thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành của Công ty và các Công ty con như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Họ và tên	Chức danh kiêm nhiệm	Lương + Phụ cấp	Thù lao		Thưởng	Tổng cộng
				CT Đạt Phương	CT thành viên		
1	Lương Minh Tuấn	Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch CTCP ĐP Hội An, ĐP Sơn Trà, ĐP Sông Bung	-	1.837,92	522,0	4,5	2.364,42
2	Phạm Kim Châu	Phó Chủ tịch HĐQT - Phó Tổng GĐ, Chủ tịch CTCP XD Đạt Phương số 2	1.270,6	300,0	269,17	4,5	1.844,27
3	Trần Anh Tuấn	Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc, Chủ tịch CTCP XD Đạt Phương số 1, Tổng GĐ công ty CP Thủy điện ĐP Sông Bung	1.350,18	300,0	182,5	4,5	1.837,18
4	Đặng Hoàng Huy	Thành viên HĐQT	-	325,0	-	-	325,0
5	Đỗ Xuân Diện	Thành viên HĐQT	-	780,0	-	-	780,0
6	Lê Thị Thu Trang	Thành viên HĐQT	-	501,0	-	-	501,0
	Tổng cộng		**2.620,78**	**4.043,92**	**973,67**	**13,5**	**7.651,87**

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023:

HĐQT sẽ tiếp tục phát huy những giá trị cốt lõi Đạt Phương đã xây dựng và phát triển trong những năm qua, chủ động nắm bắt các cơ hội, quyết liệt triển khai các giải

pháp để thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh với phương châm **"Kiên tâm tạo giá trị"**, các kế hoạch triển khai gồm:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng các thông lệ quản trị quốc tế để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn;

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCD thường niên 2023;

- Tổ chức các phiên họp định kỳ và bất thường để triển khai và thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã được ĐHĐCĐ thông qua;

- Phát huy vai trò của các tiểu ban trực thuộc HĐQT để tham mưu cho HĐQT về chiến lược sản xuất kinh doanh, về nhân sự, lương thưởng và hoạt động đầu tư.

- Đảm bảo an toàn, việc làm và thu nhập cho người lao động;

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến, thông qua.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0101218757-C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

Lương Minh Tuấn

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: 16 /TTr-ĐP-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH
Xin biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần tập đoàn Đạt Phương.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung cụ thể như sau:

❖ **Nội dung 1: Thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C, bao gồm:**

a. Báo cáo của kiểm toán viên
b. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022
c. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
d. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
e. Thuyết minh báo cáo tài chính

❖ **Nội dung 2:** Phê duyệt Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022.

❖ **Nội dung 3:** Phê duyệt Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh năm 2022 của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên năm 2022.

❖ **Nội dung 4: Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022 như sau:**

1. Lợi nhuận năm trước chuyển sang	**:**	**187.439.983.986**	**đồng**
2. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2022	**:**	**113.995.517.433**	**đồng**
3. Trích quỹ phúc lợi (0% LNST)	:	0	đồng
4. Trích quỹ khen thưởng (0% LNST)	:	0	đồng
5. Trích lập quỹ Đầu tư phát triển (0% LNST)	:	0	đồng
6. Lợi nhuận còn lại năm 2022	**:**	**113.995.517.433**	**đồng**

**** Đề xuất phương án phân chia lợi nhuận 2022 như sau:***

a) Chia cổ tức cho cổ đông năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% mệnh giá,

tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng.

Đối tượng nhận cổ tức: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông.

b) Lợi nhuận để lại tái đầu tư: **là giá trị còn lại sau khi trừ đi phần trích quỹ và chia cổ tức.**

* Ủy quyền cho HĐQT triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức.

❖ **<u>Nội dung 5</u>: Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023:**

1. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

1. Doanh thu thuần	:	2.816,73	tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	109,90	tỷ đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	:	101,75	tỷ đồng
4. Dự kiến cổ tức	:	**10 %**	

2. Kế hoạch kinh doanh Hợp nhất:

1. Doanh thu thuần	:	3,436,12	tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	314,43	tỷ đồng
4. Lợi nhuận sau thuế	:	287,60	tỷ đồng
5. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	:	200,8	tỷ đồng

❖ **<u>Nội dung 6</u>:** Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giải thể Ban kiểm soát và áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo mô hình sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc.

Trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

❖ **<u>Nội dung 7</u>: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT theo mô hình mới:**

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị hoàn thiện toàn văn các văn bản do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, cập nhật các quy định của pháp luật.

(Đính kèm: Phụ lục 01: Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

Phụ lục 02: Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty;

Phụ lục 03: Nội dung sửa đổi, bổ sung về Quy chế hoạt động của HĐQT).

❖ **Nội dung 8**: Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt các dự án, chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; các giao dịch, hợp đồng ký giữa Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương và các bên có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn:

8.1. Phê duyệt các dự án, chủ trương đầu tư của Công ty (bao gồm cả các dự án mua, bán cổ phần, sáp nhập,...) có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

8.2. Chấp thuận, thông qua các giao dịch, hợp đồng ký giữa công ty với các bên có liên quan thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

❖ **Nội dung 9: Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát:**

Hội đồng Quản trị xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2023:

9.1. Tổng thù lao Hội đồng quản trị và ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT năm 2023 tối đa **2,0%** "x" Lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023.

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Hội đồng quản trị phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

9.2. Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2023 (tính đến thời điểm ĐHĐCĐ thông qua chuyển sang mô hình quản lý mới) = **300.000.000 đồng.**

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Ban kiểm soát phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Lương Minh Tuấn

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: 01/2023/BKS-ĐP-BC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ:

- Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp; Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương và các quy định khác của pháp luật có liên quan;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 02/2022/NQ-DHĐCĐ;
- Tình hình sản xuất kinh doanh; Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2022.

Ban kiểm soát xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động kiểm tra giám sát trong năm 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN NĂM 2022

1. Nhân sự Ban kiểm soát

Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm các thành viên:

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Thị Việt Hà	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày bắt đầu: 07/5/2022	Cử nhân kinh tế
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày bắt đầu: 24/04/2021	Cử nhân Tài chính doanh nghiệp
3	Lê Văn Quyết	Thành viên Ban kiểm soát	Ngày bắt đầu: 24/04/2021	Kỹ sư kinh tế XD
4	Đoàn Văn Công	Trưởng Ban kiểm soát	Ngày không còn là thành viên: 07/5/2022	Cử nhân kế toán

2. Các hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã duy trì hoạt động thường xuyên, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành tại các cuộc họp giao ban hàng quý và đột xuất liên quan đến hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương để nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, tham gia đóng góp ý kiến trong việc thực hiện mục tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Ngoài ra, Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát cùng với các Phòng, Ban chức năng của Tập đoàn, Ban kiểm soát các công ty thành viên góp phần nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và chất lượng quản trị của Công ty, hoạt động chủ yếu gồm:

- Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành Công ty; thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCD và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Giám sát việc chấp hành thực hiện các quy chế, quy trình của Công ty và các phòng ban chức năng, đơn vị trực thuộc Tập đoàn.
- Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty
- Kiểm tra công tác kế toán và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tài chính quý, 06 tháng và năm 2022.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin,
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trong năm 2022, ngoài các cuộc họp thường kỳ, Ban kiểm soát cũng tổ chức các cuộc họp khác để thảo luận, thống nhất một số nội dung hoạt động của Ban kiểm soát:

STT	Cuộc họp ngày	Số thành viên tham dự	Nội dung
1	25/1/2022	3/3	- Tổng kết hoạt động của Ban kiểm soát và đánh giá hoạt động của từng thành viên năm 2021; - Thông qua Báo cáo tài chính quý 4/2021
2	30/3/2022	3/3	- Thông qua báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2021; Báo cáo Ban kiểm soát trình ĐHĐCD thường niên năm 2022; Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2023
3	12/5/2022	3/3	- Bầu trưởng Ban kiểm soát chuyên trách
3	28/7/2022	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động Quý 2/2022, lập hoạch hoạt dộng Quý 3/2022 - Thẩm tra BCTC bán niên 2022 (đã được soát xét)
4	24/10/2022	3/3	- Đánh giá kết quả hoạt động Quý 3/2022, lập kế hoạch hoạt động Quý 4/2022 - Thẩm tra BCTC Quý 3/2022

3. Đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thay mặt cổ đông, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ

Theo sự phân công của Trưởng Ban kiểm soát, từng thành viên theo lĩnh vực chuyên môn của mình đã chủ động triển khai nhiệm vụ giám sát kiểm tra đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban chuyên môn của Công ty cũng như các đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Phân công nhiệm vụ và tự đánh giá kết quả hoạt động của từng thành viên BKS năm 2022
1	Nguyễn Thị Việt Hà	- Phụ trách chung công việc của Ban kiểm soát; - Thực hiện công tác kiểm tra việc chấp hành các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Điều lệ của công ty và pháp luật hiện hành; - Thực hiện giám sát các hoạt động quản lý, điều hành công ty của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; - Thực hiện lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát. Chuẩn bị nội dung chương trình họp Ban kiểm soát; - Thẩm định báo cáo tài chính; - Lập các báo cáo theo quy định; - Kiểm soát việc bảo toàn phát triển vốn đầu tư vào các Công ty con có vốn đầu tư của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương; - Các công việc khác. *** Đánh giá:** Hoàn thành nhiệm vụ
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	- Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật cũng như việc chấp hành quy chế, quy định nội bộ của Công ty; - Hỗ trợ trưởng Ban trong việc thẩm định Báo cáo tài chính; - Thực hiện kiểm soát kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; - Kiểm soát chi phí của các dự án; - Các công việc khác. *** Đánh giá:** Hoàn thành nhiệm vụ
3	Lê Văn Quyết	- Kiểm tra và giám sát hoạt động đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm trang thiết bị; - Kiểm soát việc thực hiện các Hợp đồng kinh tế; - Kiểm tra, giám sát hoạt động thi công các công trình xây lắp; - Kiểm soát việc thực hiện dự toán, quyết toán các công trình, các hợp đồng giao khoán nội bộ, thầu phụ thi công; - Các công việc khác. *** Đánh giá**: Hoàn thành nhiệm vụ.

Các thành viên Ban kiểm soát tự đánh giá đã hoàn thành nhiệm vụ, tuân thủ, chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật cũng như Điều lệ Công ty.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2022

1. Thực hiện Các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

1.1 Phân phối lợi nhuận năm 2022:

Lợi nhuận sau thuế đã được phân phối vào các quỹ và chia cổ tức tuân thủ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Theo nghị quyết ĐHĐCĐ	Thực hiện	Ghi chú
1	Trích quỹ Khen thưởng	1.782.217.468	1.782.217.468	2% lợi nhuận sau thuế
2	Chia cổ tức bằng tiền cho các cổ đông	62.999.554.000	62.999.554.000	10% mệnh giá

1.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:

Công ty đã thực hiện quyết toán và kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành có liên quan, kết quả các chỉ tiêu chính của Công ty như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch		Thực hiện		Tăng/giảm %	
		Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất	Công ty mẹ	Hợp nhất
1	Doanh thu thuần	2.490	3.825	2.320,03	3.319,48	-6,8%	-13,2%
3	Lợi nhuận trước thuế	111	523	125,64	584,10	13,2%	11,7%
4	Lợi nhuận sau thuế	91	442	113,99	519,31	25,3%	17,5%
5	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		343		383,26		11,7%

*** Đánh giá:** Năm 2022 Công ty không hoàn thành kế hoạch doanh thu, nhưng do hiệu quả hoạt động từ mảng năng lượng mang lại cũng như Công ty đã tiết giảm chi phí đáng kể dẫn đến lợi nhuận sau thuế công ty mẹ và hợp nhất vượt kế hoạch lần lượt là 25,3 % và 11,7 %.

1.3 Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty: Công ty đã hoàn thành việc sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty. Điều lệ sửa đổi, bổ sung thay thế điều lệ cũ kể từ ngày 07/05/2022.

1.4 Sửa đổi, bổ sung điều chỉnh ngành nghề kinh doanh Công ty: Công ty thực hiện các thủ tục điều chỉnh ngành nghề với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và cập nhật sửa đổi điều lệ công ty theo đúng quy định.

1.5 Miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026: Công ty đã thực hiện việc miễn nhiệm ông Đoàn Văn Công và bổ sung bà Nguyễn Thị Việt Hà vào Ban kiểm soát theo phê duyệt của DHDCD ngày 07/05/2022 và đã công bố thông tin theo đúng quy định của điều lệ Công ty và pháp luật.

1.6 Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Bộ phận	Thù lao được duyệt	Thù lao thực trả	Ghi chú
1	Hội đồng quản trị	5.748,83	4.043,92	1,5% lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ trên BCTC hợp nhất
2	Ban kiểm soát	700	700	

1.7 Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Công ty đã lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C (là một trong các đơn vị kiểm toán được DHDCD phê duyệt ngày 07/05/2022).

2. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022

Ban kiểm soát đã thảo luận và trao đổi định kỳ với Kiểm toán độc lập của Công ty (Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C) về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán và các nội dung trên

báo cáo kiểm toán. Công ty đã tổ chức công tác kế toán tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan; hoàn thành báo cáo tài chính đúng thời hạn.

- **Hạch toán kế toán**: Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được thu thập và hạch toán đầy đủ vào sổ sách kế toán. Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được lập đúng Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.
- **Số liệu kế toán:** Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C. Ý kiến của Kiểm toán: Chấp nhận toàn phần.

Với kết quả kiểm tra, thẩm định, Ban kiểm soát chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Ban kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

Kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty được thể hiện qua các chỉ số trên báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ và báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- Báo cáo tài chính riêng Công ty mẹ:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1.	**KẾT QUẢ KINH DOANH**				
	Doanh thu thuần	2.320,03	1.531,35	788,68	51,50%
	Lợi nhuận trước thuế	125,64	108,71	16,93	15,57%
	Lợi nhuận sau thuế	113,99	89,11	24,88	27,93%
2	**TỔNG TÀI SẢN, NGUỒN VỐN**	**2,921.75**	**2,736.12**	**185.63**	**6.78%**
	Trong đó:				
	Tài sản:				
	- Tài sản ngắn hạn	1,935.94	1,690.64	245.30	14.51%
	- Tài sản dài hạn	985.81	1,045.48	(59.67)	-5.71%
	Nguồn vốn:				
	- Nợ phải trả	1,931.24	1,794.82	136.42	7.60%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	990.52	941.30	49.21	5.23%

- Báo cáo tài chính hợp nhất:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2021	Tăng giảm	
				Giá trị	Tỷ lệ (%)
1.	**KẾT QUẢ KINH DOANH**				
	Doanh thu thuần	3.319,48	2.545,46	774,02	30,41%
	Lợi nhuận trước thuế	584,10	519,15	64,95	12,51%
	Lợi nhuận sau thuế	519,31	449,13	70,19	15,63%
	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	383,26	341,95	41,31	12,08%
2	**TỔNG TÀI SẢN, NGUỒN VỐN**	**6.138,99**	**5.950,73**	**188,26**	**3,16%**
	Trong đó:				
	Tài sản:				
	- Tài sản ngắn hạn	3.292,87	2.628,77	664,10	25.26%
	- Tài sản dài hạn	2.846,11	3.321,95	(475,84)	-14,32%
	Nguồn vốn:			-	
	- Nợ phải trả	3.932,17	4,168.88	(236.71)	-5,68%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu	2.206,81	1.781,84	424.97	23,85%

- Tại thời điểm 31/12/2022, Tổng tài sản là 6.138,99 tỷ đồng, tăng 188,26 tỷ đồng (tương ứng tăng 3,16%) so với cuối năm trước.
- Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2022 là 2.206,81 tỷ, tăng 424,97 tỷ so với cuối năm trước (tương đương 23,85%), đảm bảo duy trì và đảm bảo an toàn vốn chủ sở hữu.
- Hệ số nợ phải trả/ vốn chủ sở hữu là 1,8 lần lại 31/12/2022, giảm 0,6 lần so với cuối năm trước.

Đầu tư tài chính tập trung 4 lĩnh vực cốt lõi là xây dựng, năng lượng, bất động sản và dịch vụ khách sạn nghỉ dưỡng. Không có đầu tư vào những ngành rủi ro cao như chứng khoán, quỹ đầu tư, ngân hàng, bảo hiểm. Tổng lợi nhuận thu được từ cổ tức được chia từ các công ty con, liên kết và các khoản đầu tư khác trong năm 2022 đạt 79,6 tỷ đồng.

Việc quản lý, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính tại các đơn vị thành viên được thực hiện thông qua cơ chế người đại diện phần vốn của Công ty mẹ tại các đơn vị.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HĐQT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty đã nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, thực hiện đúng quyền hạn, chức năng nhiệm vụ quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật. Các thành viên luôn bám sát, chỉ đạo sâu sát mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty, với tinh thần làm việc đoàn kết, đưa ra các giải pháp kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của Công ty để sản xuất kinh doanh, đảm bảo hoàn thành kế hoạch, mang lại hiệu quả thiết thực, đảm bảo lợi ích của Công ty và của Cổ đông.

Các cuộc họp và hoạt động của Hội đồng quản trị được tổ chức và tiến hành theo đúng Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành, có sự thống nhất cao của các thành viên. Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức 16 cuộc họp, ban hành 16 Biên bản cùng 40 Nghị quyết, Quyết định. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng thẩm quyền, phạm vi trách nhiệm, phù hợp với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và quy định của Pháp luật.

Hội đồng quản trị đã thực hiện Giám sát ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; các hoạt đông sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã theo sát và triển khai kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cũng như Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra, tuân thủ các quy định của Pháp luật, phân quyền trong Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Đồng thời, Ban giám đốc cũng luôn tích cực, chủ động, linh hoạt kịp thời trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các quyết định, tờ trình của Ban Tổng giám được ban hành theo đúng thẩm quyền, phù hợp với Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Đối với các đơn vị thành viên, Ban giám đốc đã có những chỉ đạo quyết liệt, cụ thể, kịp thời, có đánh giá, kiểm soát việc thực hiện tại tất cả các đơn vị thành viên thông qua Người đại diện phần vốn để đạt được mục tiêu hiệu quả đề ra

3. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty

- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- Ban kiểm soát được mời tham dự cuộc họp HĐQT, được tham gia ý kiến với các vấn đề nêu tại cuộc họp;
- Trong năm 2022, Ban kiểm soát không nhận được bất kỳ khiếu nại nào liên quan đến hoạt động quản trị và quản lý điều hành của Công ty.

IV. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2023

Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phương hướng hoạt động Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương năm 2023, Ban kiểm soát đưa ra một số nhiệm vụ trọng tâm cho năm 2023 như sau:

- Giám sát HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý điều hành Công ty,
- Kiểm tra công tác kế toán và lập Báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2023.
- Phối hợp với bộ phận tài chính kế toán và các bộ phận liên quan để triển khai công tác xây dựng hệ thống báo cáo quản trị, xây dựng hệ thống quản lý ngân sách.
- Tăng cường hoạt động kiểm tra giám sát đối với hoạt động của các công ty thành viên.
- Giám sát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty.
- Thực hiện các công việc khác theo đúng chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trong hoạt động của Ban kiểm soát để phát huy được vai trò và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và chúng tôi rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý Cổ đông, HĐQT, cũng như sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ của Ban Tổng giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

V. KIẾN NGHỊ

Ban kiểm soát xin kiến nghị Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua Báo cáo tài chính Công ty mẹ, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022.
- Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Trên đây là toàn bộ nội dung báo cáo của Ban kiểm soát. Thay mặt Ban kiểm soát, Tôi xin cảm ơn toàn bộ quý cổ đông đã tin tưởng giao nhiệm vụ cho chúng tôi, xin cảm ơn HĐQT và Ban Tổng giám đốc Công ty đã hỗ trợ cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trân trọng!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Việt Hà

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: 01/2023/BKS-ĐP-TTr

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023

Căn cứ:

- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành ngày 26/11/2019
- Luật kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 ban hành ngày 29/03/2011
- Điều lệ công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương
- Danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chứng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2023

Nhằm tăng cường minh bạch thông tin tài chính, kiểm soát rủi ri và mang lại giá trị cho các bên liên quan, ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông uqa nội dung sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty trong danh sách các công ty sau thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương:

- Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Công ty TNHH Deloittc Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua

Trân trọng!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Việt Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Trụ sở: Tầng 15 - Tòa nhà Handico - Khu đô thị mới Mễ Trì Hạ - Đường Phạm Hùng - P.Mễ Trì - Q.Nam Từ Liêm - TP.Hà Nội
Tel: 84 - 24 - 37830856 Fax: 84 - 24 - 37830859
Website: www.datphuong.com.vn

PHIẾU BIỂU QUYẾT TỜ TRÌNH

Họ tên: Nguyễn Văn A **Số ĐKSH: .../ABC**

Địa chỉ: .....

Là cổ đông sở hữu cổ phiếu Công ty Cổ phần tập đoàn Đạt Phương theo danh sách do Trung tâm Lưu ký chứng khoán chốt ngày 21/03/2023:

Căn cứ vào nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị ngày 22/04/2023; Căn cứ vào nội dung Tờ trình của Ban Kiểm soát ngày 22/04/2023, bằng văn bản này tôi biểu quyết các vấn đề được đề nghị như sau:

1. Nội dung 1: Thông qua báo cáo tài chính năm 2022:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

2. Nội dung 2: Phê duyệt Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022.

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

3. Nội dung 3: Phê duyệt Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh năm 2022 của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên năm 2022.

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

4. Nội dung 4: Phê duyệt Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

5. Nội dung 5: Phê duyệt kế hoạch kinh doanh năm 2023:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

6. Nội dung 6: Thông qua việc thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

7. Nội dung 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT theo mô hình mới:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

8. Nội dung 8: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt các dự án, chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; các giao dịch, hợp đồng ký giữa Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương và các bên có liên quan:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

9. Nội dung 9: Thông qua mức thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

10. Nội dung 10: Lựa chọn đơn vị kiểm toán:

a) □ Tán thành *b) □ Không tán thành* *c) □ Không ý kiến*

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2023

CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

(Ký và ghi rõ họ tên)

DATPHUONG
TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Số: /TTr-DP-HĐQT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Về việc thông qua các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần tập doàn Dạt Phương;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần tập doàn Đạt Phương thường niên năm 2023 số /2023/BB/ĐHĐCĐ ngày 22/04/2023.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C, bao gồm:

a. Báo cáo của kiểm toán viên
b. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022
c. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
d. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
e. Thuyết minh báo cáo tài chính

Điều 2: Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị năm 2022.

Điều 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh năm 2022 của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên năm 2022.

Điều 4: Thông qua Phương án phân chia lợi nhuận năm 2022:

1. Lợi nhuận năm trước chuyển sang	**:**	**187.439.983.986**	**đồng**
2. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2022	**:**	**113.995.517.433**	**đồng**
3. Trích quỹ phúc lợi (0% LNST) còn dư 6,8 tỷ	:	0	đồng

4. Trích quỹ khen thưởng (2% LNST) dư 4,28 tỷ	:	0	đồng
5. Trích lập quỹ Đầu tư phát triển (0% LNST)	:	0	đồng
6. Lợi nhuận còn lại năm 2022	**:**	**113.995.517.433**	**đồng**

**** Đề xuất phương án phân chia lợi nhuận 2022 như sau:***

a) Chia cổ tức cho cổ đông năm 2022 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10% mệnh giá, tương ứng 01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng.

Đối tượng nhận cổ tức: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông.

b) Lợi nhuận để lại tái đầu tư: **là giá trị còn lại sau khi trừ đi phần trích quỹ và chia cổ tức.**

* Ủy quyền cho HĐQT triển khai chi tiết việc chi trả cổ tức.

<u>Điều 5.</u> Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2023:

1. Kế hoạch kinh doanh Công ty mẹ:

1. Doanh thu thuần	:	2.816,73	tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	109,90	tỷ đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	:	101,75	tỷ đồng
4. Dự kiến cổ tức	:	**10 %**	

2. Kế hoạch kinh doanh Hợp nhất:

1. Doanh thu thuần	:	3,436,12	tỷ đồng
2. Lợi nhuận trước thuế	:	314,43	tỷ đồng
3. Lợi nhuận sau thuế	:	287,60	tỷ đồng
4. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	:	200,8	tỷ đồng

<u>Điều 6:</u> Thông qua thay đổi mô hình cơ cấu tổ chức quản lý công ty:

Theo quy định tại Khoản 1, Điều 137 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc giải thể Ban kiểm soát và áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý công ty theo mô hình sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Tổng giám đốc.

Trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Điều 7: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty.

Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của HĐQT và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị hoàn thiện toàn văn các văn bản do thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty, cập nhật các quy định của pháp luật.

(Đính kèm: Phụ lục 01: Nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

Phụ lục 02: Nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế quản trị công ty;

Phụ lục 03: Nội dung sửa đổi, bổ sung về Quy chế hoạt động của HĐQT).

Điều 8: Thông qua việc Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xem xét, phê duyệt các dự án, chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông; các giao dịch, hợp đồng ký giữa Công ty cổ phần tập đoàn Đạt Phương và các bên có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn:

8.1. Phê duyệt các dự án, chủ trương đầu tư của Công ty (bao gồm cả các dự án mua, bán cổ phần, sáp nhập,...) có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

8.2. Chấp thuận, thông qua các giao dịch, hợp đồng ký giữa công ty với các bên có liên quan thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9: Thông qua Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2023:

1. Hội đồng quản trị:

Tổng thù lao Hội đồng quản trị năm 2023 tối đa **2,0%** "x" Lợi nhuận sau thuế TNDN trên Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2023.

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Hội đồng quản trị phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

2. Ban kiểm soát:

Tổng thù lao Ban kiểm soát năm 2023 (tính đến thời điểm ĐHĐCD thông qua chuyển sang mô hình quản lý mới) – **300.000.000 đồng.**

Mức thù lao cụ thể của từng thành viên do Ban kiểm soát phân bổ căn cứ vào phân công công việc của từng thành viên.

Điều 10: Thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một công ty trong danh sách các công ty sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương:

- Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam
- Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam
- Công ty TNHH KPMG Việt Nam (KPMG)
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C (A&C)
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (AASC)

Điều 11: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc Công ty và các cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:
- Như Điều 11;
- Các cổ đông;
- Lưu HC-NS.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Lương Minh Tuấn

PHỤ LỤC 01: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

(Đính kèm Tờ trình số 16./TTr-ĐHĐCĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2023)

Ghi chú:

- *Các điều không nêu chi tiết trong "Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành" này là không thay đổi với Điều lệ công ty (hay Điều lệ Công ty) hiện hành.*
- *Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.*
- *Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.*

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
Điều 1. Giải thích thuật ngữ g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc	**Điều 1. Giải thích thuật ngữ** g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và Tổng Giám đốc. Trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.	**Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát** Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.
Điều 12. Quyền của cổ đông	**Điều 12. Quyền của cổ đông**
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Xem xét, tra cứu, và trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Xem xét, tra cứu, và trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;
Bỏ	c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. c. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
Bỏ	e. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 27 Điều lệ này hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình ;
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.	4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty. c. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;	Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này; b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty, và trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì Trưởng Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty, và trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**
1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;	1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:	2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
Bỏ	d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị; h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;	g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị,	q. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;	r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
s. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;	s. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;
u. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:	u. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.	- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này; - Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ; - Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp; Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.
Điều 17. Thay đổi các quyền	**Điều 17. Thay đổi các quyền**
1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. Trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi thì việc chi trả cổ tức được thực hiện theo quy định pháp luật trong đó điều kiện,trình tự thủ tục cho việc thay đổi hoặc hủy bỏ được thực hiện như sau Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.	1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. Trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi thì việc chi trả cổ tức được thực hiện theo quy định pháp luật trong đó điều kiện,trình tự thủ tục cho việc thay đổi hoặc hủy bỏ được thực hiện như sau Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị; c. Phiếu biểu quyết; d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.	**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông** 3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm: a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; c) Phiếu biểu quyết; d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	**Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp	2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau: a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.	theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát/ Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**
1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này.	1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang	3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên	Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**
5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây: a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết; c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết; d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề; e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng; f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	**Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**
Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông,	Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 23 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này;	cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây: 1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 4. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp	**Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị** 4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**
1. Hội đồng quản trị có không ít hơn 05 (năm) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên và ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	1. Hội đồng quản trị có không ít hơn 05 (năm) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	**Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị; b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác; c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định.	d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định.
8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.	8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên, Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
15. Biểu quyết Bỏ	15. Biểu quyết e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;	**Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty** 4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;	f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc khối do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	**Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý** 2. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
Bỏ	**IX. BAN KIỂM SOÁT**
Bỏ	**Điều 36. Ứng cử, đề cử Thành viên Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
Bỏ	**Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN	**Không có**
Điều 36. Cơ cấu tổ chức 1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. 2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. 3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau: a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. 4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có hiểu biết nhất định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty. 5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. **Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:** 1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty; 2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; 3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch	**Không có**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; 4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty; 5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt; 6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán; 7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty. 8. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết 9. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 10. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua **Điều 38. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán:** 1. Ủy ban kiểm toán phải tổ chức họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. 2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. 3. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán. **Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy**	

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. 2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau: a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán; c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty; d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty; e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp; g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.	
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	**X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, <u>THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT</u>, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.	**Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng** Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	**Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**
1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan như sau:	1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan như sau:
b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;	b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm: - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
d. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản a và khoản b Điều này được thực hiện như sau: - Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; - Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;	d. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản a và khoản b Điều này được thực hiện như sau: - Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên; - Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai; - Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty	dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty; - Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai; - Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;
e. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty	e. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty	2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc và Kế toán trưởng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trịTổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan	6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây: a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan; b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan ;
7. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: - Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành	7. Thành viên Hội đồng quản trị, kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, ban kiểm soát trong các trường hợp sau: - Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch - Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn	viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch - Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.	**Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường** 1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. 2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	**Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ** 1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý Bỏ mục 5	**Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý** 5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp
Điều 56. Gia hạn hoạt động	**Điều 56. Gia hạn hoạt động**
Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông tán thành	Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông tán thành

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Điều lệ Công ty hiện hành
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;	**Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ** 1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa: a. Cổ đông với Công ty; b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

M.S.D.N: 0101218757-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG
Q. NAM TỪ LIÊM - TP. HÀ NỘI

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Điều lệ lần thứ ...

Tháng ... năm 2023

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 5
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ 5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ 5
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY 5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty 5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 6
III. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 6
Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty 6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty 7
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP 7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập 7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu 8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác 9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần 9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) 9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT 9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát 9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 10
Điều 12. Quyền của cổ đông 10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông 11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông 12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 15
Điều 17. Thay đổi các quyền 15
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông 16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 17
Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông 20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 21
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 23

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của HĐồng quản trị 24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên HĐồng quản trị 26
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị 27
Điều 30. Cuộc họp của HĐồng quản trị 28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty 31
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 32
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý 32
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp 32
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc 32
IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN 34
Điều 36. Cơ cấu tổ chức 34
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán: 34
Điều 38. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán: 35
Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 35
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC 36
Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng 36
Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi 36
Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường 38
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY 38
Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN 39
Điều 46. Công nhân viên và công đoàn 39
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 39
Điều 47. Phân phối lợi nhuận 39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN 39
Điều 48. Tài khoản ngân hàng 39
Điều 49. Năm tài chính 40
Điều 50. Chế độ kế toán 40
XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN 40
Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý 40
Điều 52. Báo cáo thường niên 40
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY 40
Điều 53. Kiểm toán 40
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP 41

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp 41
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY 41
Điều 55. Giải thể công ty 41
Điều 56. Gia hạn hoạt động 41
Điều 57. Thanh lý 41
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ 42
Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ 42
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ 42
Điều 59. Điều lệ công ty 42
XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 43
Điều 60: Điều khoản thi hành 43
PHỤ LỤC 01 44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số .../2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 20223.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b. Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d. Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d. Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g. Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc;

h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán Trưởng;

i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;

m. Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n. Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DAT PHUONG GROUP JSC

- Tên giao dịch: TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

- Tên Công ty viết tắt: DAT PHUONG GROUP

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, tòa nhà Handico, khu đô thị mới Mễ Trì Hạ, đường Phạm Hùng, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 024.37830856

Fax: 024.37830859

Email info@datphuong.vn

Website: www.datphuong.com.vn

4. Chi nhánh văn phòng đại diện của công ty:

Hội đồng quản trị công ty quyết định việc chuyển trụ sở, lập hay huỷ bỏ chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Tổng giám đốc.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật được quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật doanh nghiệp

III. PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Thi công, xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi - Xây dựng và lắp đặt các công trình thủy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp đến 35KV; (Doanh nghiệp không cung cấp hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền Nhà nước, không hoạt động thương mại theo Luật điện lực 2004 và Nghị định số 94/2017/NĐ-CP về hàng hóa, dịch vụ thuộc độc quyền nhà nước)	4299 (chính)
2	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng	4663
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

4	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, cụm dân cư, khu đô thị; - Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn liền với hạ tầng)	6810
5	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: dịch vụ nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
6	Cho thuê xe có động cơ	7710
7	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
8	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc và thiết bị xây dựng và kỹ thuật dân dụng không kèm người điều khiển	7730
9	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
10	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cấu kiện thép, bê tông cốt thép, bê tông nhựa	2395
11	(Đối với những ngành nghề có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

Phụ thuộc vào tình hình kinh doanh, Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định thay đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của công ty là 629.995.540.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi chín tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn). Trong đó 100% vốn điều lệ thuộc sở hữu tư nhân.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 62.999.554 cổ phần (Sáu mươi hai triệu, chín trăm chín mươi chín nghìn, năm trăm năm mươi bốn cổ phần) với mệnh giá 10.000 đồng (Mười nghìn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật doanh nghiệp được nêu tại phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:

a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu huỷ;

b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ

phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu huỷ dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.

5. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là [07 ngày] kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, và Tổng Giám đốc.

Trong đó ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu qua hình thức điện tử hoặc hình thức khác được quy định tại Điều 4 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;

d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi (nếu có) của Công ty còn có các quyền theo quy định tại Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a. Xem xét, tra cứu, và trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều 18 Điều lệ này;

c. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông tự nguyện hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên HĐQT. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên HĐQT và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.

2. Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.
3. Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6. Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
7. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho cá nhân hoặc tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật.

c. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

c. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó; Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị;

j. Phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty ;

p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q. Loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền.

r. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

s. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trừ trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, sẽ do Hội đồng quản trị quyết định;

t. Quyết định Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trừ trường hợp quy định tại điểm v khoản này;

u. Quyết định giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;

Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

v. Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi mốt phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

w. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền; tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền; nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền; thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi. Trường hợp thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi thì việc chi trả cổ tức được thực hiện theo quy định pháp luật trong đó điều kiện,trình tự thủ tục cho việc thay đổi hoặc hủy bỏ được thực hiện như sau

Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi

nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;

c. Phiếu biểu quyết;

d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp tham gia đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có), trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết/bầu cử của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền đó.

b. Trong trường hợp Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, cổ đông và người đại diện theo ủy quyền (nếu có) truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, tham dự và thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử.

c. Kết quả biểu quyết được Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo ngay sau khi có kết quả kiểm phiếu.

d. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

e. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền dự họp tham dự sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông tham dự muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Chủ tịch Ủy ban kiểm toán điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.;

6. Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp

b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử

Điều 21. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e. Tổ chức lại, giải thể công ty

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên HIội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HIội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử. Ngoài ra, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử của từng đợt bầu thành viên.

4. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp theo khoản 2 điều 147 Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến do Công ty phát hành phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, biên bản kiểm phiếu và Nghị quyết phải được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước

ngoài, đều có hiệu lực pháp lý như nhau, nếu có mâu thuẫn giữa hai biên bản thì lấy bản tiếng Việt làm gốc. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp. Việc gửi biên bản cuộc họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HIội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b. Trình độ chuyên môn;

c. Quá trình công tác;

d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị như sau:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến 20% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ trên 20% đến 30% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ trên 30% đến 40% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ trên 40% đến 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ trên 50% trở lên được đề cử số lượng ứng viên bằng số lượng thành viên HĐQT đã được đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên HIội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và/hoặc Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc HIội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có không ít hơn 05 (năm) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên và ít nhất 20% số thành viên HIội đồng quản trị phải là thành viên độc lập. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên HIội đồng quản trị là 5 (năm) năm;

Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

4. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.

5. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

7. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các phòng nghiệp vụ công ty và Giám đốc các bộ phận trực thuộc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

p. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.

r. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó

s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

v. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của HĐQT theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác thay mặt cho Hội đồng quản trị đại diện xử lý công việc của công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên HĐQT được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. HĐQT dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng

quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu bầu như nhau, ai được số phiếu bầu cao nhất sẽ trúng Chủ tịch HĐQT, trường hợp có nhiều hơn một người có số phiếu cao nhất bằng nhau thì sẽ bầu lại theo nguyên tắc trên chỉ trong số những người có số phiếu cao nhất đó.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp HĐQT;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của HĐQT cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Chủ tịch HIội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Có đề nghị của thành viên độc lập HIội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HIội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Tổng giám đốc có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

9. Các cuộc họp của HIội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HIội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

10. Nếu được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở nếu được thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của quá nửa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

12. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HIội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp

13. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 12 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

14. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được quá nửa thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 9 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty.

c. Theo quy định tại điểm d khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ

bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

đ. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

16. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

17. Biên bản họp hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể cả bằng tiếng nước ngoài, đều có hiệu lực pháp lý, nếu có nội dung mâu thuẫn giữa hai biên bản thì bản tiếng Việt được lấy làm gốc. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c) Thời gian, địa điểm họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Các quyết định đã được thông qua;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản này thì biên bản này vẫn có hiệu lực.

Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều

hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên độc lập Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong hoạt động nhân sự, lương thưởng

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc khối do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Bộ máy giúp việc cho Tổng Giám đốc gồm: Các phó Tổng Giám đốc, các phòng, ban, bộ phận chuyên môn.

Hội đồng quản trị quyết định thành lập, giải thể các Phòng, Ban chuyên môn căn cứ vào tình hình hoạt động của Công ty.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc;
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng Giám đốc Công ty:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
- Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu vi phạm một trong các quy định sau:

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;
- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty;
- Các hành vi khác gây thiệt hại đến uy tín và lợi ích của Công ty;
- Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e. Quyết định tiền lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

f. Tuyển dụng lao động;

g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

h. Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

i. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

j. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

k. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 05 (năm) năm;

m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh.

n. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

l. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

7. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

IX. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 36. Cơ cấu tổ chức

1. Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên.

2. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

3. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

4. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh và có hiểu biết nhất định liên quan đến lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán:

1. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

2. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

3. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

4. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

5. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

6. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

7. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

8. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết

9. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

10. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua Điều 38. Cuộc họp Ủy ban kiểm toán:

1. Ủy ban kiểm toán phải tổ chức họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.
2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.
3. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 39. Báo cáo hoạt động của thành viên HIội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

e) Kết quả giám sát đối với HIội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với HIội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 42. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và kế toán trưởng phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan như sau:

a. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;

b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

c. Việc kê khai quy định tại khoản 1b Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng; Nếu vi phạm quy định về kê khai, thì những hợp đồng được ký kết trong tương lai giữa Công ty với các doanh nghiệp có liên quan nêu trên được xem là vô hiệu trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định khác

d. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản a và khoản b Điều này được thực hiện như sau:

- Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
- Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

e. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc và Kế toán trưởng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trịTổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan;

7. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch

- Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị,Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

Điều 44. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 45. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 46. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 47. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. HIội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HIội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 48. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 49. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 50. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 51. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và các cơ quan khác theo các quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 52. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 53. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải

chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 54. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. Con dấu của công ty phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính.

2. Con dấu là tài sản của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm quản lý sử dụng con dấu theo qui định của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có) theo quy định của chính phủ.

4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 55. Giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:

a. Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;

b. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật doanh nghiệp trong thời hạn sáu tháng liên tục;

d. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 56. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 57. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên,

trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a. Các chi phí thanh lý;

b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c. Nợ thuế;

d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 58. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 59. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 60: Điều khoản thi hành

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương nhất trí thông qua ngày … tháng … năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là bản Điều lệ thay thế cho Điều lệ đã được thông qua ngày 07 tháng 05 năm 2022.
3. Điều lệ được lập thành bốn (0) bản có giá trị như nhauvà được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
4. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
5. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT	**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC	**CHỦ TỊCH HĐQT**
Trần Anh Tuấn	**Lương Minh Tuấn**

PHỤ LỤC 01

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY VÀ TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CÁC CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TẠI NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY

1. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các cổ đông sáng lập vào ngày thành lập Công ty

STT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Địa chỉ thường trú	Chỗ ở hiện tại	Số CMND/CCCD/ĐKKD	Số vốn góp	Tỷ lệ nắm giữ
1	LƯƠNG MINH TUẤN	Số 49, ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, Phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, IIà Nội	Số 49, ngách 61/17 đường Phùng Chí Kiên, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Số 001070002520 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 24/11/2014	71.740.410.000	15,942%
2	LƯƠNG TUẤN MINH	Xóm Nội, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, IIà Nội	Xóm Nội, xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, Hà Nội	001061007782 do cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 12/10/2016	16.338.660.000	3,63%
3	PHẠM VĂN ĐÍCH	Số 49, đường Trần	Tổ 36, ngõ 850, đường Láng,	Số 150009317 do Công an tỉnh Thái	Đã chuyển nhượng hết	0%

		Hưng Đạo, phường Đề Thám, thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình	phường Láng Thượng, quận Đống Đa, Hà Nội	Bình cấp ngày 20/5/2004		
4	TRẦN THỊ HÀ	20C, đường Hoàng Văn Thụ nối dài, phường Iarking, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	20C, đường Hoàng Văn Thụ nối dài, phường Iarking, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Số 230002989 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 02/6/1990	Đã chuyển nhượng hết	0%
5	NGUYỄN THỊ CHINH	Số 6, tổ 1, Vĩnh Phúc 1, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	Số 594, đường Bưởi, phường Cống Vị, quận Ba Đình, Hà Nội	Số 010029170 do Công an TP Hà Nội cấp ngày 29/6/2000	Đã chuyển nhượng hết	0%

PHỤ LỤC 02: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Ghi chú:

- *Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi*
- *Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Quy chế hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.*
- *Luật DN 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC là thông tư hướng dẫn 1 số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.*

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**
1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.	1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.	2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.
Điều 2. Giải thích thuật ngữ h."Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc , Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng; i."Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc	**Điều 2. Giải thích thuật ngữ** h."Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty; i."Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty ;

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử 1. Nguyên tắc chung a. Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty; b. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị.	**Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử** 1. Nguyên tắc chung a. Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty; b. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu - Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị; - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;	2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu - Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; - Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;
3. Nguyên tắc trúng cử: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.	3. Nguyên tắc trúng cử: Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: - Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; - Định hướng phát triển công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể công ty.	**Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông** Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông s: - Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty; - Định hướng phát triển công ty; - Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; - Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; - Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định; - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; - Tổ chức lại, giải thể công ty.
Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	**Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.**
4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.	4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
Bỏ	**Điều 26. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 26. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau: 1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. 2. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán. 3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty. 4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. 5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty. 6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác. 7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông. 8. Các nội dung khác (nếu có).	**Không có**
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;	**Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị** 2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Có đề nghị của Ban kiểm soát;
Bỏ	**Điều 38. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 45. Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán nội bộ ;	**Điều 46. Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty** 5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ;
Bỏ	**CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT**
Bỏ	**Điều 49. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 50. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Kiểm soát viên**
Bỏ	**Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**
Bỏ	**Điều 52. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 53. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 54. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên**
Bỏ	**Điều 55. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát**
Bỏ	**Điều 56. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát**
Bỏ	**Điều 57. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 58. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**
Bỏ	**Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát**
CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN	
Điều 48. Thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán 1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:	
a. Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;	**Không có**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro; c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty; e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt; f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán; g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty. h. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết i. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. j. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua 2. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán: a. Số lượng, cơ cấu thành viên của Ủy ban kiểm toán tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và khoản điều 36 Điều lệ Công ty. b. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau: - Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty; - Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.	

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
c. Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. 3. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử, và không phải là người điều hành Công ty. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thoogn qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị. 4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán a. Ủy ban kiểm toán phải tổ chức họp ít nhất 02 lần trong một năm và được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán. b. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. c. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán. 5. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau: a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán; c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;	

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
đ) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty; e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp; g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.	
Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.	**Điều 60. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.**
1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao	1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. ,
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH	**CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH**
Bỏ	**Điều 64. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban kiểm soát**
Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán 1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ủy ban kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ủy ban kiểm toán.	**Không có**
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ủy ban kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ủy ban kiểm toán. 3. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.	**Không có**

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
4. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ủy ban kiểm toán thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.	
Bỏ	**Điều 66. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành**
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.	**CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.**
Điều 55. Đánh giá hoạt động	**Điều 67. Đánh giá hoạt động**
Bỏ	2. Trưởng ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng Thành viên Ban kiểm soát.
Điều 56. Khen thưởng	**Điều 68. Khen thưởng**
1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.	1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.	2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định.
Điều 57. Xử lý vi phạm và kỷ luật	**Điều 69. Xử lý vi phạm và kỷ luật**
2. Thành viên Hội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tuỳ theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tuỳ theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
Điều 59. Hiệu lực thi hành	**Điều 71. Hiệu lực thi hành**
1. Quy chế này gồm 8 chương. 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương thống nhất thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2023 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. 3. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.	1. Quy chế này gồm 8 chương, 71 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đạt Phương thống nhất thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này. 3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và cá nhân, tổ chức khác có liên quan của Công ty cổ phần Đạt Phương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

DỰ THẢO

QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo quyết định số /QĐ-DP-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 04 năm 2023 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương)

Hà Nội, tháng năm 2023

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG 4

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4

Điều 2. Giải thích thuật ngữ 4

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 5

I. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông 5

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp 6

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội 6

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 6

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 7

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội 7

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử 8

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu 9

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu 9

Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông 9

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông 9

Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 20. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 10

Điều 21. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 11

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử 11

Điều 23. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản 12

Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. 12

Điều 25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 14

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 15

Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị. 15

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị 18

Điều 29. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 18

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị 18

Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị 19

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị 19

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 19

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 20

Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....20
Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....20
Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị.....20
Điều 38. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....21
Điều 39. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị.....21
Điều 40. Cách thức biểu quyết.....22
Điều 41. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị.....22
Điều 42. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị.....22
Điều 43. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị.....23
Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....23
Điều 45. Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....23
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....24
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....24
CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN.....24
Điều 48. Thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán.....24
CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC.....26
Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....26
Điều 50. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc.....27
Điều 51. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc.....27
Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc.....27
CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH.....28
Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán.....28
Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành.....28
CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.....28
Điều 55. Đánh giá hoạt động.....28
Điều 56. Khen thưởng.....28
Điều 57. Xử lý vi phạm và kỷ luật.....29
CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....29
Điều 58. Sửa đổi bổ sung.....29
Điều 59. Hiệu lực thi hành.....29

CĂN CỨ:

- *Căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn.*
- *Căn cứ theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2020.*
- *Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương.*

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Những từ ngữ dưới dây được hiểu như sau:

a. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Bảo đảm cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với công ty và cổ đông;
- Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng

b. "Công ty" là Công ty Cổ phần Đạt Phương

c. "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019;

d. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020;

e. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.

f. "Cổ đông sáng lập" là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

g. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.

h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

i. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc ;

j. "Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành" (sau đây gọi là "thành viên không điều hành") là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

k. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" (sau đây gọi là "thành viên độc lập") là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp.

l. "Người có quan hệ gia đình" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

m. "Người nội bộ" là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp được quy định tại khoản 45 Diều 4 Luật Chứng khoán;

n. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó

CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều 12, Điều 13 Điều lệ công ty.

Điều 4. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
2. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
3. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác;

II. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 5. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 14 Diều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 6. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chương trình, nội dung Đại hội

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Việc kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp của cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều 18 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

Điều 11. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có thể đăng ký tham dự họp qua thư, fax, thư điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Cổ đông đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông lựa chọn hình thức tham dự họp theo hướng dẫn trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông:

a. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp của cổ đông phải mang theo Giấy tờ chứng thực hợp pháp được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông để xác nhận tư cách Đại biểu.

b. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

c. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết và/ hoặc các phiếu biểu quyết và/ hoặc phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông hoặc họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/ bầu cử của cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đó.

d. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

1. Nguyên tắc chung:

a. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.

b. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

c. Thẻ biểu quyết và/ hoặc các Phiếu biểu quyết và/ hoặc Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông), trên đó có ghi rõ số đăng ký mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

d. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết và bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu hoặc các cách thức khác được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp. Chủ tọa đề xuất các hình thức biểu quyết đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

e. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Quy định về tính hợp lệ của Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết

a. Thẻ biểu quyết hợp lệ là thẻ theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, rách, nát.

b. Phiếu biểu quyết hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên Phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết.

c. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

Ghi thêm nội dung khác vào Phiếu biểu quyết;

Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho Phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

3. Các hình thức biểu quyết

a. Biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ.

b. Biểu quyết bằng bỏ phiếu: Khi biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu, đối với từng nội dung, đại biểu tham dự họp chọn một trong ba phương án "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu "X" hoặc "O" vào ô mình chọn. Sau khi hoàn thành tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 14. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

1. Nguyên tắc chung

a. Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HIội đồng quản trị;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

3. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 15. Cách thức kiểm phiếu

1. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ cao Thẻ biểu quyết, Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
2. Khi tiến hành biểu quyết/ bầu cử theo hình thức bỏ phiếu, cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông bỏ các phiếu biểu quyết/ bầu cử vào hòm phiếu được niêm phong để ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ kiểm tra lại số phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về so với số phiếu biểu quyết/ bầu cử phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các phiếu biểu quyết/ bầu cử thu về. Đối với các nội dung biểu quyết, số phiếu "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" và số phiếu không hợp lệ của từng nội dung biểu quyết sẽ được tổng hợp riêng và được ghi rõ trên biên bản kiểm phiếu.
3. Trong trường hợp cần thiết và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty có thể chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 16. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 17. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 18. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 19. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét triệu tập lại đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 20. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Nghị quyết, Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 21. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và phải được công bố đầy đủ trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ được Đại hội đồng cổ đông thông qua và theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông kèm theo các phụ lục đính kèm khác (nếu có) đã được công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở Giao dịch chứng khoán được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định tại Điều 20 Quy chế này.
3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

III. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

Điều 22. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến và bỏ phiếu điện tử

1. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông

   Việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo hình thức hội nghị trực tuyến thực hiện tương tự quy định tại Điều 5 Quy chế này.

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp và thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

a. Việc lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 6 và Điều 7 Quy chế này.

b. Việc thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

   Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền (nếu có) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do HĐQT quản trị quy định phù hợp theo tình hình thực tế.

4. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

   Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 16 Điều lệ Công ty và những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông hoặc theo hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định phù hợp theo tình hình thực tế.

5. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi đáp ứng các quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

6. Cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu, và thông báo kết quả kiểm phiếu

a. Cách thức bỏ phiếu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

b. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến quy định tại khoản 3 Điều này để thực hiện biểu quyết/ bầu cử. Khi cổ đông tiến hành bỏ phiếu điện tử, số ý kiến "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến" đối với từng nội dung biểu quyết và số phiếu bầu cử cho từng ứng viên được ghi nhận trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

c. Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

7. Hình thức và điều kiện để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

a. Hình thức thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện tương tự quy định tại Điều 17 Quy chế này.

b. Điều kiện để nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

8. Lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến

Việc lập nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo Điều 23 Điều lệ Công ty.

9. Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông

Cách thức phản đối Nghị quyết, Biên bản của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, hoặc thông qua theo hình thức bỏ phiếu điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

10. Công bố Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Việc công bố nghị quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện tương tự quy định tại Điều 21 Quy chế này.

Mục 4. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 23. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Điều 17 Quy chế này Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

Điều 24. Trình tự, thủ tục Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Hội đồng quản trị tổ chức họp và ban hành Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện

theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật Danh nghiệp. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết để thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông (nếu có).

2. Chuẩn bị tài liệu, gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HIội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện tương tự quy định gửi thông báo mời họp tại Điều 18 Điều lệ Công ty.

Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung theo quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của:

- Cổ đông cá nhân, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, hoặc
- Cá nhân được cổ đông ủy quyền, hoặc
- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức được cổ đông ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Công bố biên bản kiểm phiếu và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và phải đảm bảo có các nội dung sau:

a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
c. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
d. Hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
f. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc..
g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 26. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán.
3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty.
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.
8. Các nội dung khác (nếu có).

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Quy định chung

Điều 27. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;
f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán của công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;
i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, kế toán trưởng, trưởng các phòng nghiệp vụ công ty và Giám đốc các bộ phận trực thuộc; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
j. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
p. Quyết định việc chào bán trái phiếu riêng lẻ, bao gồm loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 130 Luật Doanh nghiệp, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.

r. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó

s. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

t. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

v. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

w. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

f. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

i. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quyền và trách nhiệm sau:

a. Được cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty theo quy định tại Điều 159 Luật Doanh nghiệp;

b. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

c. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

d. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.

e. Báo cáo Hội đồng quản trị các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên HIội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn;

f. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

h. Thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

i. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty.

j. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Công ty, kiểm toán viên dộc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

k. Tham dự các cuộc họp HIội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình.

l. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

m. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HIội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.

5. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

f. Đảm bảo việc HIội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

Điều 28. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

II. Quy định về đề cử, ứng cử, bầu cử, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Điều 29. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử theo quy định tại Khoản 1 Điều này vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 30 Quy chế này. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 30 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 30. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 2 Điều 36 Quy chế này triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 29 Quy chế này.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương III Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử và các thông tin khác (nếu có).
3. Hội đồng quản trị tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện

làm Thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 28 Quy chế này và các tiêu chí khác tại thông báo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HIội đồng quản trị sẽ chuẩn bị danh sách giới thiệu ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên được giới thiệu là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này;
- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số Thành viên Hội đồng quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- Ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 28 Quy chế này.

Điều 31. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ chuyên môn;
c. Quá trình công tác;
d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh HIội đồng quản trị của công ty khác);
e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 32. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo quy định tại Điều 14 Quy chế này.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
a. Không tham gia các hoạt động của HIội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành

Điều 35. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty.

III. Quy định về cuộc họp Hội đồng quản trị

Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp định kỳ ít nhất mỗi quý 01 (một) lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;

c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị.

3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

Điều 37. Thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị

phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

2. Thông báo mời họp HĐQT có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

   Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên HĐQT.

Điều 38. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong các trường hợp sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp khi được đa số các thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

   Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất 01 giờ trước giờ khai mạc, và phong bì đựng phiếu biểu quyết của thành viên đó được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

4. Các cuộc họp HĐQT thảo luận những vấn đề sau đây cần sự có mặt trực tiếp của các thành viên Hội đồng quản trị:

a. Phê chuẩn kế hoạch chiến lược và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

b. Bầu chọn Chủ tịch Hội đồng quản trị.

c. Bãi nhiệm và bổ nhiệm mới.

d. Tái tổ chức hoặc giải thể công ty.

e. Tăng vốn điều lệ và phát hành cổ phiếu.

Điều 39. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 40. Cách thức biểu quyết

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 38 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HIội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
3. Theo quy định tại Khoản 2 Điều nay, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

   Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp dầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp dầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

Điều 41. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HIội đồng quản trị là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 42. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

c. Thời gian, địa điểm họp;

d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h. Các vấn đề đã được thông qua;

i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung trong biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 43. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Nghị quyết HĐQT sẽ được thông báo và công bố theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 44. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành Điều lệ công ty và Quy chế này.

Điều 45. Lựa chọn, bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

4. HIội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

5. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HIội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán nội bộ ;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.

h. Là dầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau đây:

- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 46 Quy chế này;
- Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- Không hoàn thành các công việc được giao;
- Các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. HIội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV. ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 48. Thành lập và hoạt động của Ủy ban kiểm toán

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều 37 Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Giám sát tính trung thu: an chuyên môn thuộc Hội đồng quản trị, có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Luật doanh nghiệp, D

b. Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

c. Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Dại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

e. Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Dại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

f. Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

g. Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.

h. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết

i. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Kế toán trưởng không thực hiện dầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Diều lệ công ty.

j. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội dồng quản trị thông qua

2. Số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của Ủy ban kiểm toán:

a. Số lượng, cơ cáu thành viên của Ủy ban kiểm toán tuân thủ theo Luật doanh nghiệp và khoản điều 36 Điều lệ Công ty.

b. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

c. Nhiệm kỳ của thành viên Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể bầu lại với số lượng nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.

3. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử, và không phải là người điều hành Công ty.

Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

4. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

a. Ủy ban kiểm toán phải tổ chức họp ít nhất 02 lần trong một năm và được quy định cụ thể trong Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

b. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định.

c. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ công ty hoặc quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

5. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;

c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;

g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

CHƯƠNG V. TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 49. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc điều hành hoạt động của Công ty và việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 6 Điều 35 Điều lệ công ty và các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

b. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài

chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

c. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm v khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty

Điều 50. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.
2. Tiêu chuẩn Tổng giám đốc:

- Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
- Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế đối với lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty.
- Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định

Điều 51. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.
2. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn nếu vi phạm một trong các quy định sau:

- Không trung thực trong thực thi nhiệm vụ, quyền hạn hoặc lợi dụng chức vụ quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;
- Báo cáo không trung thực tình hình tài chính của công ty;
- Các hành vi khác gây thiệt hại đến uy tín và lợi ích của Công ty;
- Các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

Điều 52. Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG VI. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 53. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ủy ban kiểm toán, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ủy ban kiểm toán, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ủy ban kiểm toán.
2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ủy ban kiểm toán trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ủy ban kiểm toán.
3. Kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Ủy ban kiểm toán thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

Điều 54. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Người điều hành

1. HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2. Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng Giám đốc không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp Hội đồng quản trị.
4. Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị để cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự.

CHƯƠNG VII. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC.

Điều 55. Đánh giá hoạt động

1. Hằng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của các người điều hành khác.

Điều 56. Khen thưởng

1. Hằng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

2. Khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị, sẽ do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội hằng năm. Khen thưởng cho các người điều hành khác sẽ do HĐội đồng quản trị quyết định.
3. Chế độ khen thưởng:

   -Bằng tiền;

   -Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhiên viên (nếu có).
4. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và các nguồn hợp pháp khác.
5. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

Điều 57. Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.
2. Thành viên HĐội đồng quản trị và các người điều hành khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty hoặc vi phạm quy định của pháp luật tuỳ theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Công ty và Pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 58. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 59. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 8 chương, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương thống nhất thông qua ngày 22... tháng 04... năm 2023... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế nội bộ về quản trị Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc và cá nhân, tổ chức có liên quan của Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lương Minh Tuấn

PHỤ LỤC 03: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

Ghi chú:

- *Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi*
- *Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Quy chế hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân.*
- *Luật DN 2020 là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC là thông tư hướng dẫn 1 số điều về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán*

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	**Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông**
1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây	1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây
b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật	b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật
d. Theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán	d. Theo yêu cầu của Bản kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty	2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty
4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;	4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông: e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
Điều 18. Trình báo cáo hằng năm	**Điều 18. Trình báo cáo hằng năm**
2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy ban kiểm toán để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác	2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác
3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.	3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Bản kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ

Nội dung đề nghị sửa đổi	Quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty
	đông.
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan	**Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan**
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai	4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau: c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 53 Quy chế quản trị nội bộ công ty	**Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành** Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 65 Quy chế quản trị nội bộ công ty
Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán	**Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**
1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm	1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời	2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát , Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời
3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 52 Quy chế quản trị nội bộ công ty.	3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 64 Quy chế quản trị nội bộ công ty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẠT PHƯƠNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số /2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2023)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG 3

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 3

Điều 2. Hội đồng quản trị và cơ cấu Hội đồng quản trị...Điều 3. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị 3

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị 3

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 3

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị 3

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 4

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị 4

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị 5

Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị 6

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 7

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị 8

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 8

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 8

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị 4

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch 9

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông 9

Điều 16. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị. 10

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 11

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị 11

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị 11

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH 11

Điều 19. Trình báo cáo hằng năm 11

Điều 20. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 12
Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan 12
CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 13
Điều 22. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị 13
Điều 23. Mối quan hệ với ban điều hành 14
Điều 24. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán 14
CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH 14
Điều 25. Hiệu lực thi hành 14

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày tháng năm 2020;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn Đạt Phương*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng:

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương.

Điều 2. Trách nhiệm pháp lý của Hội đồng quản trị

Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Quy chế quản trị của Công ty, Điều lệ công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên.
2. Hội đồng quản trị có không ít hơn 05 (năm) thành viên, không quá 11 (mười một) thành viên. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 5 (năm) năm; Thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ của công ty. Cụ thể như sau:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác;

c. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại không quá năm (05) công ty khác;

2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
f. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.
g. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 Điều lệ Công ty.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
f. Đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

g. Chủ tịch Hội đồng quản trị ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; việc ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.

h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 9. Bãi nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 33 Quy chế quản trị nội bộ công ty, Điều lệ công ty, Luật doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị không đảm bảo theo quy định;
b. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
c. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị không bảo đảm tỷ lệ theo quy định.
d. Trừ các trường hợp trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
b. Trình độ học vấn;
c. Trình độ chuyên môn;
d. Quá trình công tác;
e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại điều 27 Điều lệ công ty, khoản 2 Điều 27 Quy chế quản trị nội bộ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Quyết định đầu tư, mua hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
2. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với những đối tượng được quy định tại điểm u khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

   Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc thấp hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.
4. Chấp thuận hợp đồng vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty trừ trường hợp ký kết hợp đồng với những người được quy định tại điểm u khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ủy ban kiểm toán còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp;
d. Theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán;
e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi 60 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.
4. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
c. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
d. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
f. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp;
h. Các công việc khác phục vụ đại hội.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

Trong từng thời kỳ, Hội đồng quản trị có thể thiết lập hoặc giải thể các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty và Điều 45 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ công ty và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 43 Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
b. Thời gian, địa điểm họp;
c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
i. Họ, tên, chữ ký Chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp Chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký biên bản họp và ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây để trình bày tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên:

a. Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty;
b. Báo cáo tài chính kiểm toán;

c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành công ty.

2. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ủy ban kiểm toán để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ủy ban kiểm toán và báo cáo kiểm toán phải có tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này trong thời gian hợp lý.

5. Ngoài ra việc báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được quy định tại Điều 25 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 19. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a. Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
b. Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
c. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
d. Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc mà thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách mà cần có ý kiến của thành viên đó thì thành viên Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện nghị quyết. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban điều hành được quy định tại Điều 53 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.
3. Việc phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ủy ban kiểm toán được quy định tại Điều 52 Quy chế quản trị nội bộ công ty.

CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Bản Quy chế này này gồm 7 chương 24 điều được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2021.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lương Minh Tuấn